CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2015

Hà Nội, tháng 2 năm 2016

HOÀNG CÔNG TUN
Digitally signed by HOÀNG CÔNG TUN
Date: 2016.03.04 13:50:34 +07:00

MỤC LỤC

Trang

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY 4

1. Thông tin cơ bản về Công ty 4
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 6
3. Cơ cấu tổ chức của Công ty 7
4. 9

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông 9

5. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính 10
6. Định hướng phát triển 12
7. Các rủi ro 14

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 16

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 17

Tình hình thực hiện so với kế hoạch: 17

2. Tổ chức và nhân sự 18
3. Tình hình tài chính 31
4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 32

III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc 33

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 33
2. Tình hình tài chính 37
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý 40
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai 43

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty 44

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty 44

- Công tác tổ chức, đổi mới doanh nghiệp. 45
- Công tác thi công, nghiệm thu, bàn giao công trình: 45
- Công tác thu hồi vốn và công nợ còn chậm 45

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty 45
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị 46

V. Quản trị Công ty 48
1. Hội đồng quản trị 48
2. Ban kiểm soát 62
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát 63
VI. Báo cáo tài chính 65
1. Ý kiến kiểm toán 65
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán 65
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP 67
Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC 68

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY

1. Thông tin cơ bản về Công ty

Tên tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tên tiếng Anh : SONGDA 9 CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt : SICCO

Logo : SICCO

Trụ sở chính : Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Điện thoại : (+84-4) 33868243.

Fax : (+84-4) 33868243.

Website : www.sicco.com.vn; www.sicco.vn

Email : info@sicco.com.vn

Vốn điều lệ đăng ký : 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng).

Vốn điều lệ thực góp : 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng).

Giấy chứng nhận ĐKKD số : 0500574676 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 16 tháng 09 năm 2015.

Ngày trở thành công ty đại chúng: 17/04/2014

Ngành nghề kinh doanh:

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500574676 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 16 tháng 09 năm 2015, ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty như sau:

- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất, xây dựng công trình cửa như: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống… Đập và đê, xây dựng đường hầm; các công việc xây dựng khác không phải nhà như: các công trình thể thao ngoài trời;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng: Xây dựng nền móng của tòa nhà gồm đóng cọc, thử độ ẩm và các công việc thử nước, Chống ẩm các tòa nhà, chôn chân trụ, dỡ bỏ các phần thép

không tự sản xuất, uốn thép, xây gạch và đặt đá, lợp mái bao phủ tòa nhà; Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao; Các công việc dưới bề mặt; Xây dựng bể bơi ngoài trời; Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài tòa nhà; Thuê cần trục có người điều khiển.

- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng: làm sạch mặt bằng xây dựng; vận chuyển đất: đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá, nổ mìn. Chuẩn bị mặt bằng để khai thác như: chuyển vật cồng kềnh và các hoạt động chuẩn bị, phát triển khác đối với các mặt bằng và tài sản khoáng sản, ngoại trừ ở những vùng dầu và khí; Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự; hệ thống cấp thoát nước mặt bằng xây dựng; hệ thống cấp thoát nước nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện như máy biến thế, rowle, cầu dao, cầu chì,...); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy công nghiệp.
- Sửa chữa máy móc, thiết bị
- Khai thác quặng sắt (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép)
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Sản xuất , truyền tải và phân phối điện: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Mua bán điện
- Cho thuê xe có động cơ: Cho thuê ô tô
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (trừ mặt hàng Nhà nước cấm)

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu: Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí và Sửa chữa Sông Đà 9 theo quyết định số 29/2010/QĐ-HĐQT ngày 08/05/2010 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9 với mục đích thay đổi, mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh.

Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 là một trong những thành viên của Công ty cổ phần Sông Đà 9, chuyên về thi công cơ giới các công trình thủy điện, nhiệt điện, giao thông, công trình công nghiệp, dân dụng và các công trình khác. Kế thừa và phát huy truyền thống, kinh nghiệm thi công từ Công ty cổ phần Sông Đà 9, Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 đã và đang được sự tín nhiệm cao từ các tổng thầu, chủ đầu tư lớn: Tổng công ty Sông Đà, Công ty cổ phần Sông Đà 9, các chủ đầu tư thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam, Ban quản lý các dự án đường thủy (PMUW), Bộ giao thông vận tải.

Với mục đích thay đổi, mở rộng lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, lấy xây lắp thi công cơ giới các công trình thủy điện và thủy lợi, giao thông và hạ tầng kỹ thuật làm lĩnh vực hoạt động chính, Công ty chủ trương hoàn thiện bộ máy tổ chức, thành lập chi nhánh thành viên, các đội trực thuộc tham gia sâu rộng vào tiến trình xây dựng hiện đại đổi mới trên mọi miền tổ quốc.

3. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Sơ đồ tổ chức Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.

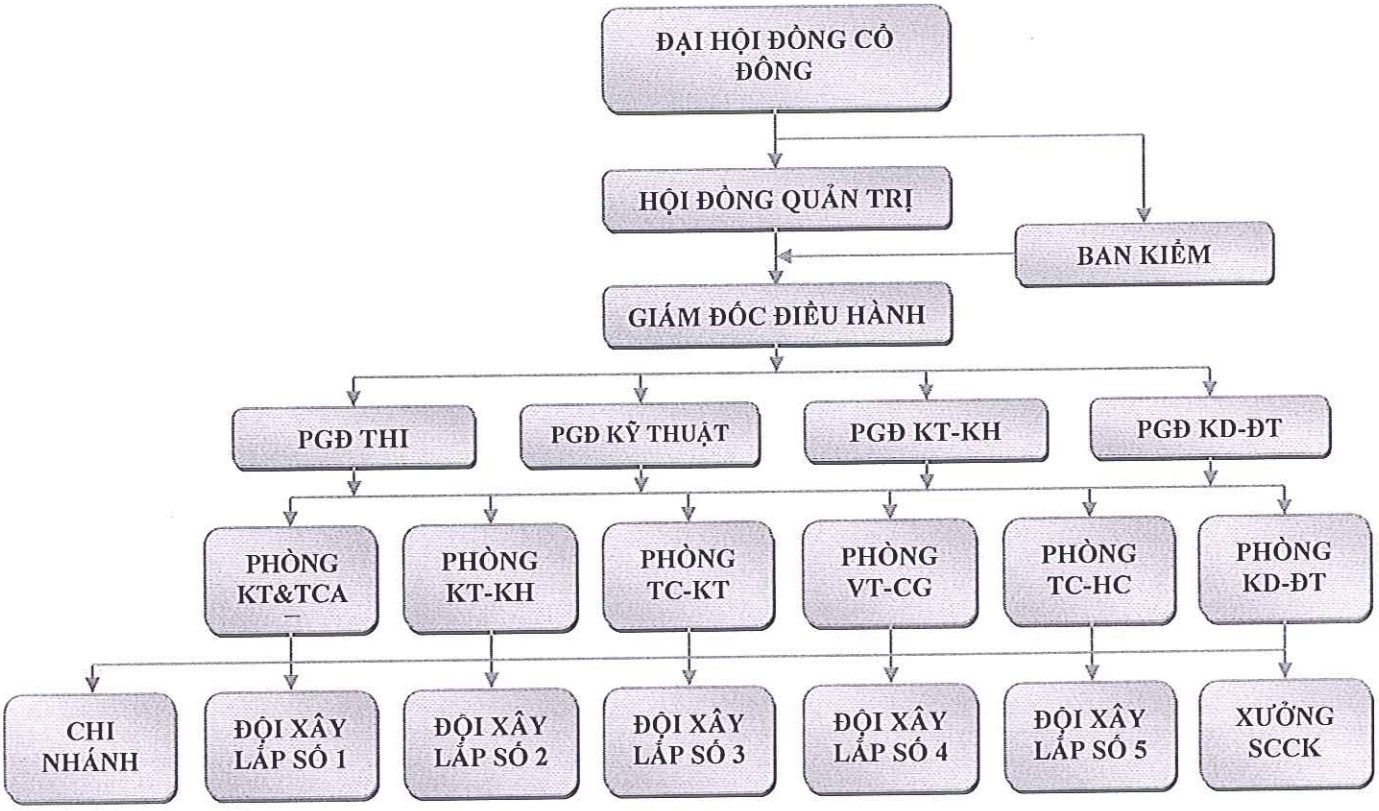

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm thảo luận và phê chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về phát triển của Công ty, quyết định về cơ cấu vốn, quyết định về đầu tư, kinh doanh, chuyển nhượng, thế chấp giá trị lớn, quyết định về sáp nhập, mua lại hợp nhất, chia tách công ty, bầu ra bộ máy quản lý và điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty được quy định chi tiết tại Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông mà không được ủy quyền. Hội đồng quản trị có nhiệm vụ quyết định chiến lược phát triển của Công ty; xây dựng các kế hoạch phát triển kinh doanh; xây dựng cơ cấu tổ chức; quy chế quản lý; đưa ra các quyết định nhằm đạt được mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Cơ cấu Hội đồng quản trị đương nhiệm:

- Ông Nguyễn Công Hùng	- Chủ tịch HĐQT	
- Ông Nguyễn Đăng Lanh	- Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 29/01/2015
- Ông Nguyễn Văn Đại	- Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 29/01/2015
- Ông Nguyễn Chính Đại	- Thành viên HĐQT	
- Ông Trần Nhân Nghĩa	- Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 22/06/2015
- Ông Hoàng Công Tuấn	- Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 29/01/2015
- Ông Lương Thanh Tùng	- Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 29/01/2015
- Ông Nguyễn Văn Phúc	- Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 14/07/2015

Ban Kiểm soát

Là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị, hoạt động điều hành kinh doanh của Giám đốc; trong ghi chép của sổ kế toán và báo cáo tài chính. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với hội đồng quản trị và Ban giám đốc. Cơ cấu Ban kiểm soát đương nhiệm:

- Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng	- Trưởng BKS	Miễn nhiệm ngày 29/01/2015
- Bà Trần Thị Len	- Trưởng BKS	Bổ nhiệm ngày 29/01/2015
- Ông Phan Thanh Hải	- Thành viên BKS	Miễn nhiệm ngày 22/06/2015
- Ông Quản Thanh Sơn	- Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 29/01/2015
- Ông Cao Lữ Phi Hùng	- Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 15/07/2015

Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc là cơ quan điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị về toàn bộ việc tổ chức sản xuất kinh doanh, thực hiện các biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của Công ty. Ban Giám đốc gồm:

- Ông Nguyễn Công Hùng	- Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 16/01/2015
- Ông Hoàng Công Tuấn	- Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/01/2015
- Ông Nguyễn Chính Đại	- Phó giám đốc	
- Ông Nguyễn Quang Hưng	- Phó giám đốc	
- Ông Lê Công Viên	- Phó giám đốc	Miễn nhiệm ngày 08/01/2015

Các phòng ban, đội

Các phòng ban, bộ phận trong Công ty thực hiện các công việc chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban giám đốc được hiệu quả và đúng luật.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông

4.1 Cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Công ty cổ phần chứng khoán IB	Tầng 8, Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	781.000	7,81
2	Công ty CP SCI	Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, Đ.Mễ Trì, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội	5.100.000	51
Tổng cộng:			**5.881.000**	**58,81**

4.2 Cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9

Theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2010, cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 gồm có:

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Loại cổ phần	Số cổ phần	Vốn góp (đồng)	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Ông Nguyễn Đăng Lanh	Phòng 206 H4 phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội		40.000	400.000.000	0,8
2	Ông Nguyễn Công Hùng	P.1012 CT3B, KĐT Văn Quán, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội.		50.000	500.000.000	1,0
3	Công ty cổ phần Sông Đà 9	Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội		2.550.000	25.500.000.000	51,0
Tổng cộng:				**2.640.000**	**26.400.000.000**	**52,8**

Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 đã đi vào hoạt động từ ngày 31/05/2010 và căn cứ vào quy định tại điều 84, khoản 5, Luật Doanh nghiệp 2005 thì thời hạn hiệu lực của việc hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập là ngày 31/05/2013. Như vậy, đến thời điểm hiện nay mọi hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

4.3 Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 31/12/2015 được phân loại như sau:

TT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng	Cổ phiếu sở hữu	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ trên Vốn điều lệ (%)
1	**Cổ đông trong nước**	**339**	**10.000.000**	**100.000.000.000**	**100**
	- Cá nhân	335	3.818.805	38.188.050.000	38,2
	- Tổ chức	4	6.181.195	61.811.950000	61,8
2	**Cổ đông ngoài nước**	-	-	-	-
	- Cá nhân	-	-	-	-
	- Tổ chức	-	-	-	-
	Tổng cộng:	**339**	**10.000.000**	**100.000.000.000**	**100**

5. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính

❖ Sản phẩm và dịch vụ chính

Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 hoạt động chính trong lĩnh vực xây lắp thi công cơ giới các công trình thủy điện và thủy lợi, giao thông và hạ tầng, sản xuất cơ khí. Doanh thu và lợi nhuận của Công ty chủ yếu từ các hoạt động này.

- **Lĩnh vực xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi**

Công ty đã tham gia xây dựng Nhà máy thủy điện Sơn La, thủy điện Lai Châu, thủy điện Xêkaman 3, thủy điện Trung Sơn, thủy điện Nậm Khánh, Kè và chỉnh trị Sông Hồng và Sông Ninh Cơ, Nhiệt điện Long Phú, Nhiệt điện Vũng Áng, … với các sản phẩm chủ yếu là: đập đầu mối; một số hạng mục công trình của tuyến năng lượng; khai thác mỏ vật liệu trong phạm vi công trình phục vụ cho xây lắp; hệ thống đường giao thông nội bộ công trường; tuyến ống áp lực của một số công trình thủy điện nhỏ… Tỷ trọng giá trị sản lượng và doanh thu của lĩnh vực này ước chiếm khoảng 70 - 80% tổng sản lượng và doanh thu trong quá trình phát triển của Công ty.

- **Lĩnh vực giao thông**

Các công trình giao thông mà Công ty đảm nhận thi công bao gồm: Công trình đường giao thông bên Lào; Hệ thống đường thi công thuộc Công trình thủy điện Lai Châu và thủy điện Trung Sơn; … Tỷ trọng giá trị sản lượng của lĩnh vực này chiếm khoảng 7-10% tổng sản lượng và doanh thu trong quá trình phát triển của Công ty.

- **Sản xuất cơ khí**

Sản xuất kinh doanh điện, sản xuất các cấu kiện cơ khí phi tiêu chuẩn. Ước tính tỷ trọng giá trị sản lượng của lĩnh vực này chiếm khoảng 5- 7% tổng sản lượng và doanh thu trong quá trình phát triển của Công ty, bao gồm: Đường ống áp lực Thủy điện Nậm Khánh, đường ống áp lực thủy điện Nậm Ngần, cầu Bailey công trình Trung Sơn, cầu Bailey công trình Hủa Na, nhà xưởng Nhà máy xi măng Hạ Long...

- **Các lĩnh vực khác**

Dịch vụ kinh doanh vật tư săm lốp Đà Nẵng, kinh doanh khác, chiếm tỷ trọng khoảng 3 - 10% tổng sản lượng và doanh thu trong quá trình phát triển của Công ty.

Một số dự án của Công ty

Công trình nhiệt điện Long Phú

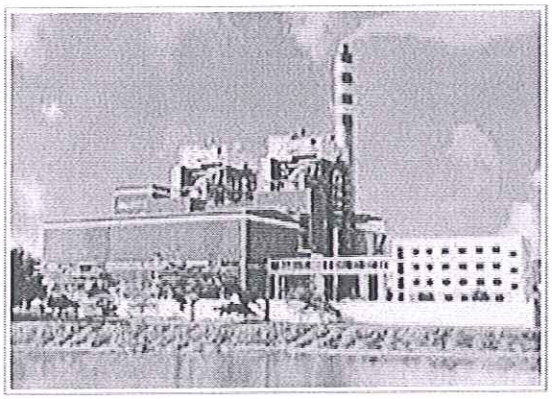

Công trình nhiệt điện Vũng Áng

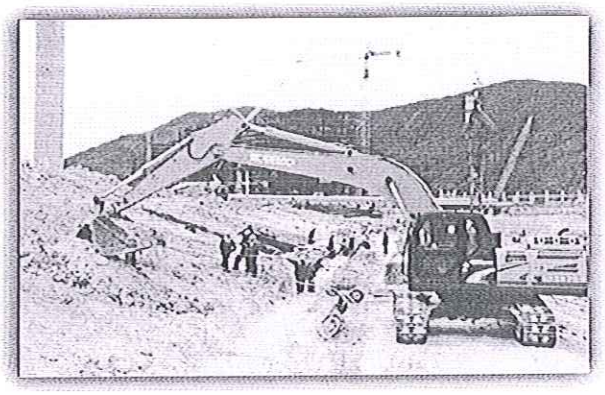

Dự án WB

Dự án thủy điện Lai Châu

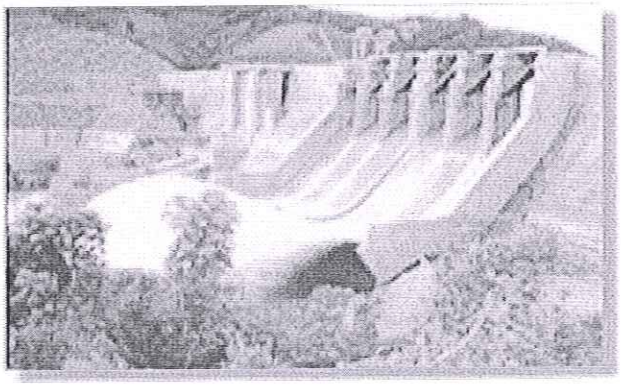

Thủy điện Bắc Mê

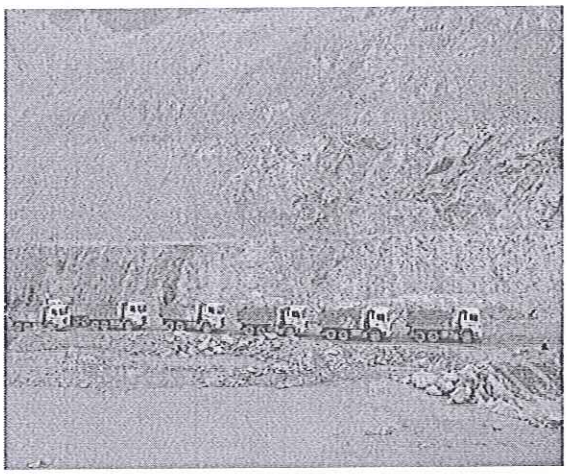

Công trình khai thác mỏ Núi Pháo

6. Định hướng phát triển

6.1. Chính sách chất lượng

"Chất lượng cho từng sản phẩm" luôn luôn là mục tiêu phấn đấu của Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 (SICCO), là uy tín, danh dự để công ty tồn tại và phát triển. Bằng những bước đi vững chắc, những điều SICCO muốn mang đến cho khách hàng mỗi ngày chính là sự tin tưởng cho từng dự án mọi lúc và mọi nơi. Công ty luôn không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng công trình cung cấp cho khách hàng, đặt lợi ích của khách hàng và cộng đồng lên hàng đầu.

Để đảm bảo được chất lượng tốt nhất cho mỗi công trình Công ty tạo ra, Chúng tôi cam kết thiết lập và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng đáp ứng theo các yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008, và cải tiến thường xuyên tính hiệu lực của Hệ thống chất lượng.

Xây dựng, duy trì,phát triển đội ngũ nhân viên giàu nhiệt huyết, chuyên môn cao, làm việc chuyên nghiệp không ngừng phấn đấu vì mục tiêu chất lượng công trình.

Phương châm công ty đề ra :

- Cung cấp các công trình xây dựng đảm bảo đạt "An toàn - Chất lượng - Tiến độ" và không ngừng cải tiến để đáp ứng tối đa yêu cầu của khách hàng.
- Nâng cao sự hài lòng của khách hàng bằng việc liên tục cải tiến hệ thống quản lý chất lượng và chất lượng sản phẩm theo nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Tạo niềm tin và uy tín đối với khách hàng thông qua việc cung cấp các sản phẩm có chất lượng tốt, ổn định đáp ứng, thoả mãn các yêu cầu của khách hàng cũng như các yêu cầu của Luật pháp.

6.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Trong suốt quá trình phát triển của mình, Công ty luôn giữ vững phương châm "Chất lượng và đảm bảo tiến độ là thương hiệu", để đạt được điều đó Công ty đã không ngừng đầu tư công

nghệ, đào tạo nâng cao trình độ nguồn nhân lực. Công ty luôn đưa ra những quyết sách phù hợp với tình hình thực tế từng thời kỳ để giữ vững vị thế là một trong những công ty hàng đầu về lĩnh vực thi công các công trình thủy lợi, thủy điện. Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng vào các lĩnh vực khác như: kinh doanh sản xuất các sản phẩm cơ khí công trình, cung cấp săm lốp... góp phần nâng cao doanh thu cho công ty. Cụ thể như sau:

- Tập trung thi công các công trình đã ký kết, đảm bảo đúng tiến độ, đúng chất lượng kỹ thuật.

- Nhanh chóng nghiệm thu các công trình đã hoàn thành, thúc đẩy quá trình thu hồi vốn để tái sản xuất.

- Nghiên cứu công nghệ mới, phục vụ cho quá trình thi công.

- Nâng cao hơn nữa hoạt động Marketing trong thời gian tới, tham gia đấu thầu các công tr ình, các dự án trọng điểm, đặc biệt là các dự án về Thủy điện.

6.3. Mục tiêu phát triển trong năm 2016

Năm 2015, theo xác định của Công ty là một năm mang tính chất bản lề, quan trọng để Công ty thực hiện theo chiến lược phát triển trung hạn. Để thực hiện được điều đó, Công ty tiếp tục tuyển dụng, đào tạo nâng cao trình độ kỹ năng, tay nghề của nguồn nhân lực cũng như đầu tư dây chuyền, thiết bị và công nghệ thi công trong lĩnh vực thi công xây lắp hạ tầng kỹ thuật và giao thông:

- Khẳng định hơn nữa thương hiệu Công ty trong lĩnh vực thi công cơ giới các công trình nhiệt điện, thủy lợi và thủy điện và các công trình khác bằng việc thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả và an toàn các công trình: công trình thủy điện Bắc Mê, đường giao thông bên Lào, Công trình thủy điện Canan 1,2, Công trình nhiệt điện Long Phú...

- Đầu tư xe máy, thiết bị, công nghệ phục vụ thi công công trình thủy điện Cana 1,2; đầu tư dây chuyền, thiết bị thi công móng mặt đường, trạm trộn asphalt và các công nghệ thi công hiện đại để phục vụ thi công dự án Đường Hồ Chí Minh đoạn La Sơn – Túy Loan. Bên cạnh đó cũng tăng cường đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao để phục vụ thi công các công trình này. Bằng việc thực hiện thi công tốt các công trình này, Công ty sẽ bước đầu khẳng định được thương hiệu, vị thế trong lĩnh vực thi công công trình Hạ tầng kỹ thuật và giao thông.

- Tiếp tục cải tiến quy trình quản lý, sản xuất và mở rộng thị trường cho lĩnh vực sản xuất, gia công cơ khí để đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tiếp thị, mở rộng thị trường cho việc kinh doanh dịch vụ: cung cấp săm lốp và xi măng cho các Công ty, đơn vị thuộc Tổng Công ty Sông Đà đồng thời mở rộng ra cung cấp các sản phẩm bê tông dự ứng lực, bê tông đúc sẵn cho các dự án khu vực Miền Bắc.

- Tăng cường quản lý, ứng dụng tiến bộ trong lĩnh vực công nghệ thông tin vào quản lý để nhằm nâng cao hiệu quả cũng như giảm chi phí trong việc quản lý xe máy, thiết bị thi công của công ty qua đó nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Việc thực hiện thành công kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh năm 2015 sẽ là tiền đề, cơ sở quan trọng để thực hiện định hướng, chiến lược phát triển của Công ty, tạo đà cho sự phát triển lâu dài và bền vững, tạo nên và khẳng định một thương hiệu Công ty lớn mạnh.

7. Các rủi ro

7.1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế sẽ tác động đến mọi lĩnh vực, ngành nghề và đối tượng trong nền kinh tế, trong đó có Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9. Các chỉ số kinh tế vĩ mô chính thường được sử dụng để đánh giá sự phát triển của nền kinh tế một quốc gia bao gồm: tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái....

❖ **Rủi ro tăng trưởng**

- Tốc độ tăng trưởng GDP là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành trong nền kinh tế. Theo số liệu báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, kinh tế trong 9 tháng đầu năm 2015 có những chuyển biến tích cực, tốc độ tăng trưởng GDP đạt mức 6,5%, là mức tăng cao nhất so với cùng kỳ 4 năm trước (cùng kỳ năm 2011: 6,03%; năm 2012: 5,1%; năm 2013: 5,14%; năm 2014: 5,53%), trong đó hầu hết các khu vực kinh tế đều tăng trưởng tốt như khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản ước tăng 2,08% (cùng kỳ năm 2014: 2,94%); khu vực công nghiệp và xây dựng ước tăng 9,57% (cùng kỳ năm 2014: 5,75%); dịch vụ ước tăng 6,17% (cùng kỳ năm 2014: 5,94%).
- Sự phát triển của ngành Xây dựng phụ thuộc nhiều vào tốc độ tăng trưởng kinh tế. Khi nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi trở lại, Chính phủ sẽ tăng mức giải ngân vào lĩnh vực xây dựng, đặc biệt là xây dựng cơ sở hạ tầng. Cùng với đó là sự đầu tư mạnh mẽ của các doanh nghiệp FDI trong thời gian gần đây cũng đã góp phần khiến giá trị ngành xây dựng tăng mạnh. Hơn thế, kinh tế khởi sắc cũng giúp cho ngành bất động sản ấm lên, tạo động lực cho các chủ đầu tư quay trở lại hoàn thiện tiếp dự án bị đình trệ và phát triển thêm những dự án mới khác.
- Như vậy, triển vọng tích cực của nền kinh tế sẽ làm giảm rủi ro kinh tế đối với các doanh nghiệp nói chung và CTCP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 nói riêng.

❖ **Lạm phát**

- Từ mức lạm phát 2 con số vào những năm trước 2012, Chính phủ đã điều hành chính sách kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô một cách quyết liệt, dẫn đến việc lạm phát đã giảm xuống chỉ còn 6,84% năm 2012; 6,04% năm 2013; 4,09% năm 2014. Lạm phát tiếp tục được kiểm soát tốt trong 9 tháng đầu năm 2015 khi tốc độ tăng của chỉ số giá CPI qua các tháng đều ở mức rất thấp, thậm chí còn giảm -0.21% vào tháng 9/2015. Tính trung bình 9 tháng đầu năm 2015, CPI cả nước chỉ tăng 0,75% so với cùng kỳ (Biểu đồ bên dưới). Lạm phát và kỳ vọng lạm phát thấp sẽ giúp cho mặt bằng lãi suất ổn định giúp hỗ trợ cho các kế hoạch sản xuất kinh doanh của các Công ty trong đó có Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.

- Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 là doanh nghiệp sản xuất nên luôn chịu tác động trực tiếp từ tỷ lệ lạm phát. Sự biến động của lạm phát trong 2011-2014 đã ảnh hưởng trực tiếp tới giá cả đầu vào, cũng như nhu cầu tiêu thụ sản phẩm đầu ra của Công ty. Để hạn chế rủi ro về lạm phát, Công ty luôn chủ động trong việc ký các hợp đồng cung cấp nguyên nhiên vật liệu đầu vào với các nhà cung cấp truyền thống và có kế hoạch chủ động điều chỉnh giá bán cho khách hàng dựa trên những dự báo về tình hình lạm phát.

❖ **Lãi suất**

Hiện nay, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục điều hành chính sách lãi suất theo hướng giảm dần, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ và đặc biệt là lạm phát để giảm mặt bằng lãi suất cho vay, góp phần tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp nói riêng. Từ đầu năm 2012 đến nay, mặt bằng lãi suất huy động đã giảm mạnh, từ đó các doanh nghiệp trong nước có thể tiếp cận được vốn vay với chi phí lãi vay rẻ hơn. Từ mức lãi suất trên 20% những năm 2010 – 2011, lãi suất cho vay thời điểm cuối năm 2015 đã giảm mạnh xuống phổ biến ở mức 9 – 10%/ năm.

Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 có sử dụng vốn vay ngân hàng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Biến động lãi suất theo xu hướng giảm trong những năm gần đây có tác dụng tích cực, góp phần làm giảm chi phí lãi vay ngân hàng và tăng lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

❖ **Tỷ giá hối đoái**

Là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp.

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ. Do vậy các biến động tỷ giá hối đoái sẽ làm thay đổi chi phí sản xuất (tính ra đồng Việt Nam) của Công ty.

7.2. Rủi ro pháp luật

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự chi phối bởi hệ thống pháp luật và chính sách của Nhà nước, bao gồm: Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật về chứng khoán, các chính sách thuế, các cam kết hội nhập, các luật về đất đai, xây dựng, môi trường,… Đồng thời, Công ty cũng chịu ảnh hưởng lớn từ các chính sách Nhà nước như định hướng phát triển ngành Xây dựng, những ưu đãi, khuyến khích hay hạn chế, các chính sách về thuế và quản lý môi trường. Bất kỳ một sự thay đổi nào trong các chính sách trên đều có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, gây ra biến động trong lợi nhuận.

Tuy nhiên, hiện nay hệ thống Pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về chính sách luôn có thể xảy ra, sự thay đổi có thể mang đến những thuận lợi

nhưng cũng có thể tạo ra những bất lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Do đó, để hạn chế rủi ro này, Công ty phải thường xuyên theo dõi, cập nhật kịp thời những thay đổi trong môi trường pháp luật để định hoạt động kinh doanh cho phù hợp.

7.3. Rủi ro đặc thù

❖ Rủi ro biến động giá nhiên liệu đầu vào

Công nghệ thi công của Công ty chủ yếu dựa vào hệ thống máy móc thiết bị cơ giới hạng nặng. Để vận hành và sử dụng các thiết bị này, nhiên liệu đầu vào là yếu tố không thể thiếu. Hiện nay, nguồn nhiên liệu sử dụng trong nền kinh tế phần lớn phụ thuộc vào nhập khẩu. Trong thời gian qua, giá cả các loại nhiên liệu nhập khẩu biến động thất thường, chủ yếu là do những bất ổn về chính trị tại một số khu vực trên thế giới, hoặc do sự thay đổi trong chính sách khai thác, dự trữ nhiên liệu của một số quốc gia có nền công nghiệp dầu mỏ hoặc nền kinh tế phát triển. Để hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của giá cả vật tư, nhiên liệu đầu vào đến kết quả kinh doanh, Công ty đã thực hiện ký kết các hợp đồng xây lắp có điều chỉnh giá trong những trường hợp giá cả các loại vật tư, nhiên liệu đầu vào biến động. Mặc dù vậy, có thể nói đây vẫn là rủi ro lớn đối với hoạt động kinh doanh của Công ty.

❖ Rủi ro khoản phải thu khó đòi

Do đặc điểm của ngành xây dựng, các công trình thi công thường kéo dài qua nhiều năm, thời gian quyết toán, hoàn thiện hồ sơ thi công giữa các bên và thời gian thanh toán các công trình, hạng mục công trình kéo dài. Đặc điểm này tiềm ẩn rủi ro tài chính và khả năng trả nợ của Công ty khi có khách hàng bị phá sản, mất khả năng thanh toán, hoặc khi các công trình thi công bị thiệt hại do các nguyên nhân khách quan… Để giảm thiểu rủi ro này, công ty sẽ đánh giá kỹ các công trình thực hiện và năng lực tài chính của chủ đầu tư, yêu cầu chủ đầu tư ứng trước theo từng giai đoạn công trình.

❖ Rủi ro vận hành

Để đáp ứng yêu cầu của khách hàng, chủ đầu tư về tiến độ thi công các công trình, hạng mục công trình, nhiều khi Công ty phải tiến hành thi công xây dựng trong những điều kiện thời tiết xấu, địa hình phức tạp, có thể xảy ra tai nạn lao động, hỏng hóc và ngưng trệ hoạt động máy móc thiết bị, gián đoạn quá trình thi công, ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

7.4. Rủi ro khác

Các rủi ro nằm ngoài khả năng dự báo và vượt quá khả năng phòng chống của con người như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh,… đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra. Công ty cũng đã xem xét và xây dựng một số kịch bản phòng ngừa rủi ro bất khả kháng nhằm giảm thiểu tối đa rủi ro cho Công ty và đảm bảo tính hoạt động liên tục.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2015 là một năm có nhiều khó khăn cho ngành xây lắp, nhưng ngay từ khi xây dựng kế hoạch Công ty đã phân tích và định hướng mục tiêu phù hợp với tình hình kinh tế xã hội, dừng và giãn các dự án đầu tư, tập trung cho công tác xây lắp, tìm kiếm và bám các công trình dự án mới có kế hoạch nguồn vốn cụ thể; Phân công cụ thể, quyết liệt bám sát chỉ đạo và thực hiện triển khai theo kế hoạch từng tháng, quý... Do vậy kết quả năm 2015 các chỉ tiêu giá trị sản lượng và doanh số đều hoàn thành vượt mức kế.

Hoạt động thi công xây lắp:

Công ty đã tham gia thực hiện thi công nhiều phần việc trên những công trình trọng điểm của đất nước như: Thi công cải tạo đường sông Ninh Cơ – Nam Định, Thi công nâng cấp mạng lưới giao thông Bắc Lào tại tỉnh Huaphan – Lào, Thi công một phần hạng mục Công trình dự án khai thác và chế biến khoáng sản Núi Pháo – Thái Nguyên, Thi công gói thầu San lấp mặt bằng và xây dựng hàng rào khu vự Dự án Sân phân phối 500KV và 220KV Trung tâm điện lực Long Phú, Thi công đào, đắp đất đá các hạng mục chính thuộc gói thầu XD01, XD02, XD03 – Dự án thủy điện Bắc Mê, Thi công xây lắp đoạn Km 1283+250 – Km 1293+ 800 thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn từ Km 1265 + 00 đến Km 1353 +300 tỉnh Phú Yên.

Kết quả thực hiện so với kế hoạch năm:

Một số chỉ tiêu chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện năm 2015	Tỷ lệ % thực hiện năm 2015	
				so với kế hoạch năm 2015	so với thực hiện năm 2014
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	10^6 đ	322.732	107	116
2	Doanh thu	10^6 đ	318.886	108	145
3	Tiền về tài khoản	10^6 đ	209.249	82	108
4	Lợi nhuận trước thuế	10^6 đ	20.100	72	181
5	Thu nhập bình quân người /tháng	10^3 đ	7.600	100	101

Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Toàn bộ các chỉ tiêu chủ yếu như giá trị sản xuất kinh doanh, tổng doanh thu, lợi nhuận, tiền về tài khoản và Thu nhập bình quân đầu người đều hoàn thành vượt mức kế hoạch năm và có tăng trưởng so với năm 2014.

Nguyên nhân chủ yếu là do Công ty đã quyết liệt bám sát chỉ đạo thực hiện tốt kê hoạch tiến độ thi công, sản xuất xây lắp từ các công trình; thường xuyên thực hiện các biện pháp giám sát thực hiện để tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh; bám sát thu vốn theo tiến độ đã được chủ đầu tư ký kết. Chính vì vậy, mặc dù trong năm 2015 gặp nhiều khó khăn nhưng lợi nhuận trước thuế vẫn có tăng trưởng đáng kể so với năm 2014.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Hội đồng quản trị

- Ông Nguyễn Công Hùng	- Chủ tịch HĐQT	
- Ông Nguyễn Đăng Lanh	- Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 29/01/2015
- Ông Nguyễn Văn Đại	- Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 29/01/2015
- Ông Nguyễn Chính Đại	- Thành viên HĐQT	
- Ông Trần Nhân Nghĩa	- Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 22/06/2015
- Ông Hoàng Công Tuấn	- Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 29/01/2015
- Ông Lương Thanh Tùng	- Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 29/01/2015
- Ông Nguyễn Văn Phúc	- Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 14/07/2015

❖ **Sơ yếu lý lịch của Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Công Hùng **Chủ tịch HĐQT**

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 21/8/1978.
- Nơi sinh: Hải Lâm, Hải Lăng, Quảng Trị.
- Số CMTND: 017389016 ngày cấp: 19/5/2012 tại CA Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Hải Lâm, Hải Lăng, Quảng Trị.
- Địa chỉ thường trú: P1012, CT3B Khu đô thị Văn Quán,Hà Đông,Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  + 2004 ÷ 2005: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty cổ phần Sông Đà 909.

+ 2005 ÷ 2009: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 909 kiêm Giám đốc Xí nghiệp 1.
+ 2009 ÷ 5/2010: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí 1.
+ 05/2010 ÷ 17/04/2014: Giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
+ 18/04/2014 đến 15/01/2015: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
+ 16/01/2015 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty Cổ phần SCI
- Số cổ phần nắm giữ: 268.845 cổ phần.

Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân: 268.845 cổ phần.
+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

Ông Hoàng Công Tuấn **Thành viên HĐQT**

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 17/03/1977.
- Nơi sinh: Nghệ An.
- Số CMND: 017533043 cấp ngày 23/01/2014 tại CA Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Diễn Thành, Diễn Châu, Nghệ An.
- Địa chỉ thường trú: KĐT Văn Quán, Yên Phúc, Phúc La, Hà Đông, Hà Nội.
- Trình độ học vấn: Kỹ sư xây dựng.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:

+ 2004 ÷ 2009: Phó Giám đốc Xí nghiệp I - Công ty cổ phần Sông Đà 909;
+ 2010 ÷ 15/01/2015: Phó Giám đốc - Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
+ 16/01/2015 ÷ 29/01/2015: Giám đốc - Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.

+ 29/01/2015 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc - Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
+ Chức vụ hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc - Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.

- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 1.521.000 cổ phần.

Trong đó:

+ Sở hữu: 21.000 cổ phần.
+ Đại diện sở hữu: 1.500.000 cổ phần.

- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

Ông Nguyễn Chính Đại **Thành viên HĐQT**

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 21/04/1978.
- Nơi sinh: Phú xuyên, TP. Hà Nội.
- Số CMTND: 013025232 ngày cấp: 28/11/2008 tại CA TP Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Phú Xuyên, TP. Hà Nội.
- Địa chỉ thường trú: 11, tổ 31, Thanh Lương, Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng dân dụng và Công nghiệp.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:

+ 2001 ÷ 2003: Kỹ sư giám sát Công ty Liên doanh xây dựng quốc tế VIC;
+ 2003 ÷ 2004: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Hà Nội;
+ 2004 ÷ 2007: Phó giám đốc Xí nghiệp 1- Công ty cổ phần Sông đà 909;
+ 2007 ÷ 2009: Giám đốc BQL Dự án Nhà máy thủy điện Phình Hồ - Công ty cổ phần Sông đà 909;
+ 2010 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc - Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Đà 9.

- Chức vụ hiện nay tại Công ty : Thành viên Hội đồng quản trị, Phó giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Đà 9.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 20.000 cổ phần.

  Trong đó:

  + Sở hữu: 22.000 cổ phần.
  + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

Ông Lương Thanh Tùng **Thành viên HĐQT**

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 22/07/1978.
- Nơi sinh: Hòa Bình
- Số CMND: 012863658
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: P. Phương Lâm, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
- Địa chỉ thường trú: Số 27, ngõ 154, phố Phương Liệt, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Trình độ học vấn: Kỹ sư kinh tế xây dựng + Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  + Từ tháng 8/2001 đến tháng 4/2002: Chuyên viên phòng dự án và Tư vấn đấu thầu - Công ty tư vấn xây dựng Sông Đà
  + Từ tháng 4/2002 đến tháng 10/2004 : Phó phòng dự án và Tư vấn đấu thầu - Công ty tư vấn xây dựng Sông Đà.
  + Từ tháng 10/2004 đến tháng 10/2009 : Trưởng phòng dự án và Tư vấn đấu thầu - Công ty tư vấn xây dựng Sông Đà.
  + Từ tháng 10/2009 đến tháng 7/2010 : Phó tổng giám đốc Công ty tư vấn xây dựng Sông Đà.

+ Từ tháng 4/2010 đến tháng 7/2010 : Kiêm nhiệm Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần tư vấn Sông Đà.
+ Từ tháng 8/2010 đến 28/01/2015: Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần xi măng Hạ Long
+ Từ tháng 01/2010 đến 06/2015: Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần xi măng Hạ Long
+ 01/2015 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
+ 04/2015 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần SCI
+ 06/2015 đến nay: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần SCI

- Chức vụ tại các tổ chức khác: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần SCI
- Số cổ phần nắm giữ: 1.500.000 cổ phần.

  Trong đó:
  + Sở hữu: 0 cổ phần.
  + Đại diện sở hữu: 1.500.000 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

2.2 Ban kiểm soát

- Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng	- Trưởng BKS	Miễn nhiệm ngày 29/01/2015
- Bà Trần Thị Len	- Trưởng BKS	Bổ nhiệm ngày 29/01/2015
- Ông Phan Thanh Hải	- Thành viên BKS	Miễn nhiệm ngày 22/06/2015
- Ông Quản Thanh Sơn	- Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 29/01/2015
- Ông Cao Lữ Phi Hùng	- Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 15/07/2015

❖ **Sơ yếu lý lịch của Ban kiểm soát**

Bà Trần Thị Len **Trưởng Ban kiểm soát**

- Giới tính: Nữ.
- Năm sinh: 29/08/1984.
- Nơi sinh: Nam Định
- Số CMTND: 036184000332 ngày cấp: 17/11/2014 tại CA TP Hà Nội.

- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Nam Định
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 2C8B khu C trường Học viện An Ninh, Văn Quán, Hà Đông, TP.Hà Nội.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Tài chính Ngân hàng.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  + 6/2006 đến 03/2008: Kế toán tổng hợp Cty TNHH Đại Lâm
  + 03/2008 đến 02/2014: Kế toán tổng hợp Cty CP Sông Đà 5
  + 02/2014 đến tháng 09/2014: Kế toán tổng hợp Cty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu Điện
  + 01/1998 ÷ 11/1999: Kế toán trưởng Công ty may Sông Đà 20;
  + Từ 06/2014 đến nay: Thành viên BKS Cty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu Điện Miền Trung;
  + Từ 29/01/2015 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Đà 9.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Đà 9.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Phó Kế toán trưởng Cty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu Điện
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

  Trong đó:
  + Sở hữu: 0 cổ phần.
  + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

Ông Quản Thanh Sơn **Thành viên Ban kiểm soát**

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 11/10/1984.
- Nơi sinh: Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Nội.

- Số CMTND: 111769145 ngày cấp 19/06/2013 nơi cấp: CA Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Nội.
- Địa chỉ thường trú: Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Nội.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  + 2008 ÷ 4/2010: CV ban Kinh tế Kế hoạch Xí nghiệp 1 - Công ty CP Sông Đà 909.
  + 5/2010 ÷ 10/2010: CV phòng Kinh tế Kế hoạch Công ty CP XD&ĐT Sông Đà 9.
  + 11/2010 ÷ 12/2013: Phó phòng Kinh tế kế hoạch kiêm Đội phó Đội Xây lắp 3 - Công ty CP XD&ĐT Sông Đà 9.
  + 01/01/2014 ÷ 17/04/2014: Phó phòng Kinh tế kế hoạch - Công ty cổ phần XD&ĐT Sông Đà 9.
  + 18/04/2014 ÷ 14/05/2014: Thành viên Ban kiểm soát Công ty; Phó phòng Kinh tế kế hoạch - Công ty CP XD&ĐT Sông Đà 9.
  + 04/2014 đến 06/2015: Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch - Công ty CP XD&ĐT Sông Đà 9.
  + 04/2014 đến nay: Thành viên ban kiểm soát Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
  + 06/2015 đến nay: Trưởng phòng kinh tế kế hoạc Công ty Cổ phần SCI
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP XD&ĐT Sông Đà 9.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Trưởng phòng kinh tế kế hoạch Công ty Cổ phần SCI
- Số cổ phần nắm giữ: 5.500 cổ phần.

  Trong đó:
  + Sở hữu: 5.500 cổ phần.
  + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

Ông Cao Lữ Phi Hùng **Thành viên Ban kiểm soát**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh : 12/01/1987
- Nơi sinh: Đông Hà, Quảng Trị
- Số CMTND: 197196172 ngày cấp 18/07/2012 nơi cấp: CA Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Đông Hà, Quảng Trị
- Địa chỉ thường trú: Đông Hà, Quảng Trị
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành tài chính kế toán
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  + 06/2010 đến 06/2012: Chuyên viên kiểm toán Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC.
  + 07/2012 đến 03/2013: Chuyên viên Công ty Cổ phần đầu tư tài chính VABE
  + 04/2013 đến 05/2014: Chuyên viên tại Trường đại học kinh tế - Đại học quốc gia Hà Nội
  + 06/2014 đến 07/2014: Nhân viên phòng tài chính kế toán Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
  + 07/2014 đến 12/2014: Nhân viên phòng tài chính kế toán Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 kiêm TV.BKS Công ty CP SCI
  + 01/2015 đến 06/2015: Phó kế toán trưởng Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 kiêm TV.BKS Công ty CP SCI
  + 06/2015 đến 07/2015: Phó kế toán trưởng Công ty CP SCI
  + 07/2015 đến nay: TV.BKS Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 kiêm Kế toán trưởng Công ty CP SCI
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP XD&ĐT Sông Đà 9.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần SCI
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

  Trong đó:
  + Sở hữu: 0 cổ phần.
  + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không.

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.
- Nơi sinh:

2.3 Ban giám đốc

- Ông Nguyễn Công Hùng	- Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 16/01/2015
- Ồng Hoàng Công Tuấn	- Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/01/2015
- Ông Nguyễn Chính Đại	- Phó giám đốc	
- Ông Nguyễn Quang Hưng	- Phó giám đốc	
- Ông Lê Công Viên	- Phó giám đốc	

❖ **Sơ yếu lý lịch của Ban Giám đốc**

- **Ông Nguyễn Công Hùng** **Giám đốc – Miễn nhiệm ngày 16/01/2015 (như trên)**
- **Hoàng Công Tuấn** **Giám đốc – Bổ nhiệm ngày 16/01/2015 (như trên)**
- **Ông Nguyễn Chính Đại** **Phó Giám đốc (như trên)**

- **Ông Nguyễn Quang Hưng** **Phó Giám đốc**

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 13/11/1980.
- Nơi sinh: Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội.
- Số CMTND: 111350501 ngày cấp: 28/06/2004 nơi cấp CA tỉnh Hà Tây.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội.
- Địa chỉ thường trú: Phòng 709, Tầng 7, nhà CT1 B1 Khu đô thị Xa La, Hà Đông, Hà Nội.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kỹ thuật - Kỹ sư xây dựng.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:

+ 03/2003÷12/2003: Chuyên viên phòng Kỹ thuật, Ban điều hành DATĐ Tuyên Quang;
+ 2004 ÷ 2009: Trưởng phòng kinh tế kế hoạch - Công ty CP Sông Đà 909;
+ 2010 ÷ 17/04/2014: Thành viên Ban kiểm soát Công ty, Phó giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9;
+ Từ 18/04/2014 đến nay: Phó giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9

- Chức vụ hiện tại tại công ty: Phó giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 12.500 cổ phần.

  Trong đó:
  + Sở hữu: 12.500 cổ phần.
  + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

Ông Lê Công Viên **Phó Giám đốc Công ty**

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 05/01/1984.
- Nơi sinh: Hưng Yên.
- Số CMND: 145106678 cấp ngày 04/10/2000 tại CA Hưng Yên.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Khoái Châu, Hưng Yên.
- Địa chỉ thường trú: Khoái Châu, Hưng Yên.
- Trình độ học vấn: Kỹ sư xây dựng.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  + 2007 ÷ 2009: Phụ trách Kinh tế Kế hoạch - Công ty cổ phần Sông Đà 909;
  + 2009 ÷ 2010: Phụ trách Kinh tế - Kế hoạch - Công ty CP Xây lắp dầu khí 1;

+ 2010 ÷ 2011: Phụ trách Kinh tế - Đầu tư - Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9;
+ 2011 ÷ 28/02/2014: Phụ trách kỹ thuật chất lượng - Thi công an toàn - Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9;
+ 01/03/2014 ÷ đến nay: Phó Giám Đốc phụ trách kỹ thuật thi công - Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.

- Chức vụ hiện nay tại Công ty : Phó giám đốc Công ty CP XD và Đầu tư Sông Đà 9.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 1.400 cổ phần.

  Trong đó:
  + Sở hữu: 1.400 cổ phần.
  + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

2.4 Kế toán trưởng

❖ **Sơ yếu lý lịch của Kế toán trưởng**

Ông Đào Gia Thắng **Kế toán trưởng Công ty**

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 01/01/1981.
- Nơi sinh: Mê Linh, Hà Nội
- Số CMTND: 01346347 ngày cấp: 30/07/2011 nơi cấp: CA TP Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Tiến Thịnh – Mê Linh – Hà Nội.
- Địa chỉ thường trú: P1907 – CT4B KĐT Xa La – Phúc La – Hà Đông – Hà Nội.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  + 07/2003 - 05/2004: Nhân viên kế toán Công ty CP Sông Đà 4

+ 06/2004 – 04/2007: Nhân viên kế toán Công ty CP Sông Đà 909
+ 05/2007 – 02/2009: Trưởng ban Kế toán Xí nghiệp 1 - Công ty CP Sông Đà 909;
+ 03/2009 - 11/2010: Phó kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà Hoàng Long
+ 12/2010 – 06/2015: Phó kế toán trưởng Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
+ 07/2015 – nay: Kế toán trưởng Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9

- Chức vụ hiện nay tại Công ty : Kế toán trưởng Công ty CP XD&ĐT Sông Đà 9.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 21.440 cổ phần.

  Trong đó:
  + Sở hữu: 21.440 cổ phần.
  + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

2.5 Cơ cấu nhân sự công ty và chế độ cho người lao động

STT	Loại hình lao động	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
	Phân loại theo giới tính		
1	Lao động Nam	271	85,49
2	Lao động Nữ	46	14,51
	Tổng cộng	**317**	**100,00**
	Phân theo trình độ		
1	Trên đại học	03	0,95
2	Đại học	93	29,34
3	Cao đẳng	12	3,79
4	Trung và sơ cấp	26	8,20
5	Công nhân kỹ thuật	150	47,32
6	Công nhân lao động	33	10,40
	Tổng cộng	**317**	**100,00**

	Phân chia theo loại hình lao động		
1	Cán bộ quản lý	34	10,73
2	Lao động trực tiếp	183	57,73
3	Lao động gián tiếp	100	31,54
	Tổng cộng	**317**	**100,00**

Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: 8h/ngày, 5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1,5h. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì CBCNV có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Ngày phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản. CBCNV được nghỉ lễ và tết 8 ngày theo quy định của Luật Lao động. Đối với CBCNV làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày/năm. Những người còn lại sẽ được nghỉ phép tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 06 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định còn được hưởng thêm lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, đồng thời Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất lao động cao và an toàn cho CBCNV.

Chính sách tuyển dụng thu hút nhân tài

Dựa vào nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh, hàng năm, Công ty để xây dựng kế hoạch tuyển dụng để thu hút người lao động có năng lực. Công ty đề ra những tiêu chuẩn tuyển dụng nhân sự đặc biệt cho từng vị trí, song tất cả các vị trí đều có những yêu cầu chung như: có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao, chủ động trong công việc, …

Với những chính sách tuyển dụng có hiệu quả, trong những năm qua Công ty đã thu hút và xây dựng được một đội ngũ nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau. Các CBCNV trẻ trung và năng động của Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 luôn được trau dồi kỹ năng, kinh nghiệm từ những chính sách đào tạo của Công ty. Với chủ trương lấy con người làm gốc, Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cấp kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ. Công ty thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn, đào tạo ngắn ngày và dài ngày về các nghiệp vụ kinh doanh, đồng thời tổ chức những lớp tập huấn, đào tạo ngắn ngày về các nghiệp vụ kinh doanh, đồng thời tổ chức những lớp tập huấn phổ biến công nghệ cho cán bộ kỹ thuật.

Chính sách khen thưởng, kỷ luật

Người lao động làm việc có hiệu quả cao, chất lượng phục vụ tốt, Ban giám đốc căn cứ vào kết quả lao động, quy chế của Công ty để xét thưởng.

3. Tình hình tài chính

3.1 Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng(+) giảm(-)
Tổng giá trị tài sản	274.380.682.356	362.574.493.583	
Doanh thu thuần	218.966.824.436	292.273.178.295	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	13.705.930.214	18.688.854.088	
Lợi nhuận khác	(2.534.613.187)	(565.499.566)	
Lợi nhuận trước thuế	11.171.317.027	18.123.354..522	
Lợi nhuận sau thuế	8.142.876.894	14.055.511.565	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức		10%	

3.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2014	Năm 2015
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán	Lần		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn		1,07	1,28
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn		0,68	0,75
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn	%		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản		75,69	65,63
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu		311,36	190,97
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động	Vòng		
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán /Hàng tồn kho bình quân		2,97	2,61
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản		0,8	0,81
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời	%		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		3,72	4,81
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu		12,21	11,28
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		2,97	3,88
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh /Doanh thu thuần		6,62	6,39

Khả năng thanh toán

Các chỉ số đo lường khả năng thanh toán của Công ty năm 2014 giảm so với năm 2013. Khả năng thanh toán giảm do tốc độ tăng của nợ ngắn hạn lớn hơn tốc độ tăng của tài sản ngắn hạn. Bên cạnh đó, hàng tồn kho cũng tăng nhanh. Hàng tồn kho năm 2014 tăng gấp hơn 1,6 lần hàng tồn kho năm 2013.

Cơ cấu vốn

Năm 2013 và năm 2014, Công ty duy trì mức vay nợ khá cao. Nợ chiếm hơn 70% trong tổng nguồn vốn của Công ty. Do đặc thù của lĩnh vực thi công xây dựng nên tài chính Công ty phụ thuộc tương đốivào vay nợ và các khoản chiếm dụng của bên thứ ba.

Năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản năm 2014 giảm so với năm 2013, do hàng tồn kho tăng nhanh và tốc độ tăng của tổng tài sản lớn hơn so với tốc độ tăng của doanh thu.

Khả năng sinh lời

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời trong năm 2014 nhìn chung đều tăng so với năm 2013.

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

4.1 Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 10.000.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 10.000.000 cổ phần
- Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo pháp luật: 0 cổ phần

4.2 Cơ cấu cổ đông

TT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng	Cổ phiếu sở hữu	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ trên Vốn điều lệ (%)
1	**Cổ đông trong nước**	**339**	**10.000.000**	**100.000.000.000**	**100**
	- Cá nhân	335	3.818.805	38.188.050.000	38,2
	- Tổ chức	4	6.181.195	61.811.950000	61,8
2	**Cổ đông ngoài nước**	-	-	-	-
	- Cá nhân	-	-	-	-

- Tổ chức	-	-	-	-
Tổng cộng:	**339**	**10.000.000**	**100.000.000.000**	**100**

4.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

4.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

4.5 Các chứng khoán khác: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Tổng quan về các chỉ tiêu chủ yếu năm 2015

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2015	% so với kế hoạch năm 2015	% so với kế hoạch năm 2014
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	10^6 đ	322.732	107	116
2	Doanh thu	10^6 đ	318.886	108	145
3	Tiền về tài khoản	10^6 đ	209.249	82	108
4	Lợi nhuận trước thuế	10^6 đ	20.100	72	181
5	Thu nhập bq quân người/tháng	10^3 đ	7.600	100	101

Toàn bộ các chỉ tiêu chủ yếu như giá trị sản xuất kinh doanh, tổng doanh thu, lợi nhuận, tiền về tài khoản và Thu nhập bình quân đầu người đều hoàn thành vượt mức kế hoạch năm và có tăng trưởng so với năm 2013.

Nguyên nhân chủ yếu là do Công ty đã quyết liệt bám sát chỉ đạo thực hiện tốt kê hoạch tiến độ thi công, sản xuất xây lắp từ các công trình; thường xuyên thực hiện các biện pháp giám sát thực hiện để tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh; bám sát thu vốn theo tiến độ đã được chủ đầu tư ký kết. Chính vì vậy, mặc dù trong năm 2014 gặp nhiều khó khăn nhưng lợi nhuận trước thuế vẫn vượt kế hoạch năm 2014 và có tăng trưởng đáng kể so với năm 2013.

1.2 Những tiến bộ công ty đã đạt được

Trong năm năm 2015 tình hình kinh tế cả nước vẫn tiếp tục khó khăn do khủng hoảng, các công trình xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách bị thu hẹp, việc vay vốn để sản xuất khó khăn. Giá cả nguyên nhiên, vật liệu liên tục tăng cao nhưng với sự quyết tâm và cố gắng của tập thể CBCNV Đơn vị đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kinh tế mà Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị công ty giao. Tuy nhiên trong tình hình kinh tế hiện nay, năm 2015 và những năm tới đòi hỏi đơn vị không ngừng đổi mới phương thức quản lý, điều hành, xây dựng những giải pháp cụ thể nhằm khắc phục những tồn tại, yếu kém nhằm hoàn thành kế hoạch các năm tiếp theo.

- Đảm bảo mục tiêu tiến độ các công trình: Tiến độ thi công các công trình: Thi công các công trình hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng công trình theo hợp đồng ký kết với Chủ đầu tư như Công trình Lào Lèng – Beng; Sầm Tầy – Thà lầu; Gói thầu XD 03 Bảo Lâm; San lấp mặt bằng và xây dựng hàng rào khu vực dự án sân phân phối trung tâm điện lực Long Phú; Thủy điện Bắc Mê; Thi công cải tạo sông Ninh Cơ;
- Hợp tác ký kết các hợp đồng thi công xây lắp, mở rộng SXKD:

- Tham gia đấu thầu và trúng thầu gói thầu CV-A2.2b – NDTDP: Công trình bảo vệ khu đổ đất nạo vét phía Nam (Đê bảo vệ Km 1+487 – Km 2+422) & Kè G1, G2, G3, G4 & Đê chắn sóng phía Nam (Km 0+000 đến Km 0+050) thuộc cụm công trình Cải tạo cửa sông Ninh Cơ (với giá trị 94 tỷ).
- Tham gia nộp hồ sơ đề xuất và trúng chỉ định thầu gói thầu số 09: Thi công xây lắp đoạn Km 1283+250 – Km 1293+800 thuộc dự án: Đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc Lộ 1 đoạn từ Km 1265+000 đến Km 1353+300, tỉnh Phú Yên (với giá trị 64 tỷ).
- Ký kết Hợp đồng thi công gói thầu Thi công xây dựng dự án nâng cấp mạng lưới giao thông Bắc Lào Lý trình: Km 98 -:- Km 121 đoạn Mường Sỏn đi Lèng Bèng tại tỉnh Huaphan – Lào với Công ty TNHH thương mại 68 (với giá trị 5 triệu USD).
- Ký kết Hợp đồng thi công gói thầu Đập OTC – Gói thầu TSF – STAGE 2 với Công ty cổ phần Licogi 13 (với giá trị 50 tỷ).

- Thi công đào. đắp đất đá các hạng mục chính thuộc gói thầu XD01. XD02. XD03 – Dự án thủy điện Bắc Mê
- Thi công đào. đắp đất đá các hạng mục chính,công trìnhtạm – Công trình thủy điện Bảo Lâm 3
- Cung cấp và thi công đóng cọc đại trà nhà máy – Nhà máy nhiệt điện Long Phú 1
- DA kênh đào nhân tạo nối sông Đáy với sông Ninh Cơ
- Thi công tuyến đường Na Xang - Thong Thu (Lào)

• Công tác tổ chức đào tạo:

- Tiếp tục hoàn thiện, kiện toàn bộ máy điều hành, tổ chức lại các đội theo nhu cầu SXKD.
- Thuê những Đơn vị có uy tín lập trình, chuyển giao các phần mềm quản lý giao việc, quản lý nhân sự, xe máy thiết bị ... nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp, chính xác, tiết kiệm chi phí quản lý.
- Tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao mít tinh kỷ niệm các ngày lễ lớn;
- Thực hiện đúng các chế độ chính sách của nhà nước, công ty đối với người lao động.
- Đơn vị đặc biệt quan tâm đến công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, cử các cán bộ quản lý tham gia các khóa Mini – MBA giao tiếp nhằm nâng cao trình độ chất lượng của cán bộ.

• Công tác Kinh tế - Kỹ thuật:

- Lập biện pháp đảm bảo tiến độ, cân đối thiết bị, xe máy đảm bảo hoàn thành các mục tiêu tiến độ ;
- Xây dựng kế hoạch sản xuất và lập tiến độ các công trình dựa trên định hướng phát triển của Công ty được HĐQT Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 phê duyệt;
- Luôn đảm bảo công tác báo cáo kế hoạch hàng tháng, thường xuyên kiểm điểm tình hình thực hiện hàng tháng và lập kế hoạch tháng kế tiếp nhằm đảm bảo mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh ;
- Công tác lập và quản lý chi phí giá thành từng hạng mục công trình được đặc biệt chú trọng và được triển khai xuống từng đội xây lắp.
- Công tác thu vốn, thu hồi công nợ được đơn vị đặc biệt chú trọng, tập trung giải quyết dứt điểm những tồn tại về hồ sơ nghiệm thu thanh toán, đôn đốc và giải quyết kịp thời những vướng mắc về kinh tế, dự toán, tổng dự toán với Chủ đầu tư tại các công trình;
- Tuân thủ các chuẩn mực kế toán, hệ thống kế toán và các quy định khác về kế toán hiện hành của Nhà nước;

- Kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí, sử dụng vốn hợp lý.

• Công tác quản lý vật tư cơ giới:

- Cân đối, điều động xe máy giữa các công trường đảm bảo khai thác tối đa năng lực hiện có;

- Tăng cường công tác bảo dưỡng, kiểm tu xe máy, thiết bị nắm vững tình trạng kỹ thuật của xe máy thiết bị, dự báo hư hỏng và có biện pháp phòng ngừa kịp thời tránh xe máy hư hỏng nặng. Nâng cao trách nhiệm của Cán bộ quản lý cơ giới, công nhân vận hành trong việc để xe máy hư hỏng do vận hành sai quy trình, quy phạm, bảo dưỡng và kiểm tu không đảm bảo kỹ thuật;

- Đảm bảo vật tư cho phục vụ hoạt động SXKD của toàn Công ty.

• Công tác Tài chính kế toán:

- Để thu xếp kịp thời nguồn vốn cho hoạt động SXKD. Trên cơ sở đó thực hiện các khoản vay tín dụng, bảo lãnh thu xếp kịp thời nguồn vốn phục vụ cho SXKD và đầu tư của công ty;

- Tuân thủ các chuẩn mực kế toán, hệ thống kế toán và các quy định khác về kế toán hiện hành của Nhà nước;

- Các báo cáo tháng, quý và quyết toán quý được quan tâm và duy trì thường xuyên đảm bảo phản ánh chính xác kết quả SXKD của Công ty;

- Kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí, sử dụng vốn hợp lý;

- Tập trung mọi nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ thu hồi vốn, thu hồi công nợ nhằm giảm áp lực vay vốn đối với Công ty đồng thời duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục.

• Công tác tiếp thị đấu thầu

- Tập trung thực hiện và đẩy mạnh công tác tiếp thị, từng bước mở rộng thị trường để chuẩn bị cho kế hoạch SXKD năm 2016 và các năm tiếp theo;

- Tìm kiếm các công việc làm tổng thầu hoặc là B phụ cho các đơn vị thuộc Tập đoàn Sông Đà thi công các dự án thủy điện bên nước Lào;

- Theo dõi, chuẩn bị các điều kiện để tham gia đấu thầu tiếp những gói thầu thuộc các dự án lớn: Dự án Phát triển giao thông vận tải khu vực đồng bằng bắc bộ; Nam bộ, các dự án về nhiệt điện, giao thông.

- Tham gia cùng Công ty cổ phần SCI đấu thầu hoặc chào giá làm tổng thầu các dự án thủy điện trên cả nước đặc biệt các dự án khu vực Quảng Ngãi, Nghệ An...

- Tìm kiếm các công việc tại các dự án nhiệt điện lớn như: Nhiệt điện Long Phú; Thái Bình; Sông Hậu.../

- Nghiêm tục rút kinh nghiệm từ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai

các dự án trước đây trong tất cả các khâu (đấu thầu, đàm phán, ký kết hợp đồng với CĐT...) đảm bảo tối đa lợi nhuận thu được từ các dự án, công trình.

2. Tình hình tài chính

2.1 Tình hình tài sản

Tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2015	11.221.128.927	45.935.782.286	35.429.405.238	327.732.372	92.914.048.823
Mua sắm	-	21.869.909.953	3.274.135.454	47.654.545	25.191.699.952
Thanh lý, nhượng bán	-	(253.000.000)	-	-	(252.000.000)
Tại ngày 31/12/2015	**11.221.128.927**	**67.553.692.239**	**38.703.540.692**	**375.386.917**	**117.853.748.775**
Tại ngày 01/01/2015	5.956.580.568	16.090.867.065	9.792.282.626	186.116.822	32.025.847.081
Trích khấu hao	280.528.224	5.292.453.836	3.963.012.401	61.284.516	9.597.278.977
Thanh lý, nhượng bán	-	(81.000.000)	-	-	(81.000.000)
Tại ngày 31/12/2015	**6.237.108.792**	**21.302.320.901**	**13.755.295.027**	**247.401.338**	**41.542.126.058**
Tại ngày 01/01/2015	5.264.548.359	29.844.915.221	25.637.122.612	141.615.550	60.888.201.742
Tại ngày 31/12/2015	**4.984.020.135**	**46.251.371.338**	**24.948.245.665**	**127.985.579**	**76.311.622.717**

Danh mục số lượng xe máy thiết bị hiện có:

TT	Tên xe máy	Ký mã hiệu	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tải trọng/ dung tích
I	**Ô tô**					
1	Xe ô tô Hyundai tải ben	HD 270	05	Hàn Quốc	2010	15tấn/10m3
2	Xe ô tô Hyundai tải ben	HD 270	05	Hàn Quốc	2011	22tấn/15m3
3	Xe ô tô HOWO tải ben	HOWO 371	05	Trung Quốc	2014	24 tấn
4	Xe ô tô HOWO tải ben	HOWO 371	05	Trung Quốc	2012	24 tấn
5	Xe Cửu Long	CUULONG	02	Việt Nam	2013	3,45 tấn
6	Xe Cửu Long	CUULONG	02	Việt Nam	2014	3,45 tấn
II	**Máy đào**					

TT	Tên xe máy	Ký mã hiệu	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tải trọng/ dung tích
1	Máy đào bánh xích KobelCo	SK 250 – 8	02	Nhật Bản	2010	1,2 m3
2	Máy đào bánh xích KobelCo	SK 330 – 8	02	Nhật Bản	2010	1,6 m3
3	Máy đào bánh xích KobelCo	SK 330 – 8	02	Nhật Bản	2014	1,6 m3
4	Máy xúc lật	ZL 30E	01	Trung Quốc	2012	1,7 m3
5	Máy xúc lốp	DOOSAN	01	Hàn Quốc	2013	0,8 m3
6	Máy đào bánh xích Komatsu	PC 210 - 6E	01	Nhật Bản	1999	0,8 m3
7	Máy đào bánh xích Komatsu	PC200LC – 7L	01	Nhật Bản		0,8 m3
III	**Máy lu**					
1	Máy lu rung	XCMG XS142J	03	Trung Quốc	2011	14 tấn
2	Máy lu rung	SAKAI SV 620D	01	Indonesia	2014	12 tấn
3	Máy lu rung	SAKAI SV 620D	01	Indonesia	2015	12 tấn
4	Máy lu tĩnh bánh thép	FURUKAWA	01	Nhật Bản	1993	12 tấn
5	Máy lu rung bánh thép	BOMAG-A162	01	Đức	1978	14 tấn
6	Máy lu lốp	SAKAI T2	01	Indonesia	1999	12 tấn
IV	**Máy ủi**					
1	Máy ủi XCMG	DT 140B	01	Trung Quốc	2011	
2	Máy ủi shantui	SD16L	03	Trung	2011	

TT	Tên xe máy	Ký mã hiệu	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tải trọng/ dung tích
				Quốc		
V	**Cần cẩu**					
1	Cần cẩu bánh xích	LS118 – RHII	01	Nhật Bản	1985	50 tấn
2	Cần cẩu tự hành	KC 3577	01	Nga	2001	15 tấn
VI	**Máy san**					
1	Máy san Mitsubishi	MG 150	01	Nhật Bản	1980	
VII	**Máy rải**					
1	Máy rải betong nhựa	DEMAG – DF135C	01	Đức	2003	
VIII	**Máy đóng cọc**					
1	Máy đóng cọc	NIPPON	01	Trung Quốc	1986	
2	Búa đóng cọc diesel	HD72	01	Trung Quốc	2015	
3	Búa đóng cọc diesel	HD80	01	Trung Quốc	2015	
IX	**Đầu kéo sơ mi rơ mooc**					
1	Đầu kéo Howo	HOWO	01	Trung Quốc	2015	
2	Sơ mi rơ mooc	HYUNDAI	02	Hàn Quốc	2014	
3	Đầu kéo	VOLVO	01	Đức	1994	
X	**Trạm trộn betong**					
1	Trạm trộn tự đổ	BM60SK	01	Việt Nam	2015	60m3/h
2	Trạm trộn betong nhựa nóng	TCB-1350CK	01	Việt Nam	2015	90-140t/h

2.2 Tình hình nợ phải trả

TT	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015
Nợ ngắn hạn		**128.153.031.821**	**214.442.228.556**

TT	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015
1	Vay và nợ ngắn hạn	86.445.241.996	99.467.812.298
2	Phải trả người bán	35.791.913.683	45.334.860.919
3	Người mua trả tiền trước	48.855.307.235	43.541.501.245
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	7.639.818.764	5.103.879.760
5	Phải trả người lao động	9.519.736.721	12.537.207.510
6	Chi phí phải trả	4.220.819.602	3.292.942.583
7	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.187.245.277	4.401.593.758
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	583.961.331	762.430.483
Nợ dài hạn		**12.435.003.776**	**23.524.460.928**
1	Vay và nợ dài hạn	12.435.003.776	23.524.460.928
	Tổng cộng	**140.588.035.597**	**237.966.689.484**

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty đang áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008

"Chất lượng cho từng sản phẩm" luôn luôn là mục tiêu phấn đấu của Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 (SICCO), là uy tín, danh dự để công ty tồn tại và phát triển. Bằng những bước đi vững chắc, những điều Công ty muốn mang đến cho khách hàng mỗi ngày chính là sự tin tưởng cho từng dự án mọi lúc và mọi nơi, Công ty luôn không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng công trình cung cấp cho khách hàng, đặt lợi ích của khách hàng và cộng đồng lên hàng đầu.

Để đảm bảo được chất lượng tốt nhất cho mỗi công trình Công ty tạo ra, Công ty cam kết thiết lập và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng đáp ứng theo các yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008, và cải tiến thường xuyên tính hiệu lực của Hệ thống chất lượng.

Xây dựng, duy trì, phát triển đội ngũ nhân viên giàu nhiệt huyết, chuyên môn cao, làm việc chuyên nghiệp không ngừng phấn đấu vì mục tiêu chất lượng công trình.

Công ty đã được Tổ chức Chứng nhận Quốc tế NQA cấp chứng nhận về Chất lượng hệ thống quản lý.

Certificate of Registration

nqa global assurance

This is to certify that the Quality Management System of

SONG DA 9 CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
5 Floor, Rainbow Building, Van Quan Urban Area, Van Quan Ward, Ha Dong District, Hanoi, Vietnam

applicable to

Construction of civil, industrial, transport, agriculture and rural development projects; Manufacture of concrete products.

has been assessed and registered by NQA against the provisions of

BS EN ISO 9001 : 2008

This registration is subject to the company maintaining a quality management system, to the above standard, which will be monitored by NQA.

Certificate No: 50678
Date: 24 June 2014
Valid Until: 24 June 2017
EAC Code: 16/28

Certification Director

UKAS 015

The use of the UKAS Accreditation Mark indicates accreditation in respect of those activities covered by the accreditation certificate number 015 held by NQA.
NQA is a trading division of Ascertiva Group Ltd. Registration No. 02513182. Registered Office: Warwick House, Houghton Hall Park, Houghton Regis, Dunstable, Bedfordshire, LU5 5ZX.
This certificate is the property of NQA and must be returned on request.

LƯU ĐỒ QUÁ TRÌNH QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH XÂY LẮP

Stt	Trách nhiệm	Hoạt động chính	Tham chiếu
1	Ban lãnh đạo CTy	Tiếp nhận thông tin Yêu cầu CĐT, Hs thầu	QT đấu thầu
2	Ban lãnh đạo	Xử lý — Dừng →	QT đấu thầu
3	Các phòng chức năng	Làm Hồ sơ thầu/chỉ định thầu	
4	Ban lãnh đạo CTy	K.tra, Duyệt — Dừng →	QT đấu thầu
5	Khách hàng, Tổ đàm phán hợp đồng	Thiết lập, thương thảo HĐ	QT Ký và quản lý hợp đồng
6	Khách hàng, GĐ (được uỷ quyền)	Ký HĐ	
7	Đội thi công Các phòng Cty	Thành lập Ban CHCT; Giao nhiệm vụ cho Đội; Lập Kế hoạch thi công	QT chuẩn bị thi công QT đánh giá lựa chọn NCC
8	Khách hàng Đội thi công, Các phòng CTy và thầu phụ	Triển khai Dự án; Ng. thu, bàn giao từng phần; Thanh toán	QT QL thiết bị thi công, thiết bị đo QT triển khai thi công công trình
9	Khách hàng Đội thi công, Các phòng CTy và thầu phụ	Nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng	
10	Khách hàng Đội thi công, Các phòng CTy và thầu phụ	Quyết toán; Bảo hành	QT nghiệm thu, thanh toán, quyết toán, bảo hành công trình
11	Khách hàng Các phòng Cty	Tổng kết Dự án Lưu trữ Hồ sơ	QT kiểm soát hồ sơ

Bộ phận kiểm tra chất lượng của công ty:

Để đảm bảo các công trình thi công xây dựng đạt chất lượng, tiến độ theo hợp đồng ký kết và đảm bảo các công trình thi công không xảy ra tai nạn lao động nghiêm trọng dẫn đến chết người. Công ty đã thành lập Ban chỉ đạo ISO nhằm mục tiêu kiểm tra, giám sát tuân thủ theo đúng quy định, quy trình của Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008.

Cơ cấu Ban chỉ đạo ISO bao gồm:

- Trưởng ban: 01 người là Phó giám đốc công ty
- Phó trưởng ban: 02 người là Trợ lý giám đốc và Phụ trách Phòng Tổ chức hành chính
- Thư ký: 01 người là Phó phòng Tổ chức hành chính
- Ủy viên: 05 người là các trưởng phó phòng của các phòng ban: Cơ giới vật tư, Kinh doanh đấu thầu, Kinh tế kế hoạch, Kiểm tra chất lượng thi công an toàn, Tài chính kế toán.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Năm 2015, theo xác định của Công ty là một năm mang tính chất bản lề, quan trọng để Công ty thực hiện theo chiến lược phát triển trung hạn. Để thực hiện được điều đó, Công ty tiếp tục tuyển dụng, đào tạo nâng cao trình độ kỹ năng. tay nghề của nguồn nhân lực cũng như đầu tư dây chuyền, thiết bị và công nghệ thi công trong lĩnh vực thi công xây lắp hạ tầng kỹ thuật và giao thông.

Kế hoạch kinh doanh năm 2015 đã được thông qua tại Đại hội cổ đông 2015, xác định rõ:

- Khẳng định hơn nữa thương hiệu Công ty trong lĩnh vực thi công cơ giới các công trình nhiệt điện, thủy lợi và thủy điện và các công trình khác bằng việc thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng hiệu quả, an toàn và đúng tiến độ các công trình: Nhiệt điện Long Phú, Công trình kè cửa sông Ninh cơ, Công trình Núi Pháo – Thái Nguyên, Công trình thi cải tạo, mở rộng QL1 – đoạn Phú Yên và Công trình thi công xây dựng dự án nâng cấp mạng lưới giao thông Bắc Lào.
- Hoàn thành công tác nghiệm thu, thu vốn của các công trình đã thi công xong: Công trình thủy điện Lại Châu, Công trình kè Nhật Tân, Công trình Đập tràn thủy điện Trung Sơn, Nhà máy xi măng Hạ Long,...
- Đầu tư xe máy, thiết bị, công nghệ như thiết bị thi công trên sông, biển phục vụ thi công công trình cải tạo cửa sông Ninh Cơ; đầu tư dây chuyền, thiết bị thi công móng mặt đường, trạm trộn asphalt và các công nghệ thi công hiện đại để phục vụ thi công Dự án cải tạo năng cấp mở rộng Quốc Lộ 1, chuẩn bị sẵn sàng cho thi công dự án Đường Hồ Chí Minh Giai đoạn II. Bên cạnh đó cũng tăng cường đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao để phục vụ thi công các công trình này. Bằng việc thực hiện thi công tốt các công trình này, Công ty sẽ bước đầu khẳng định được thương hiệu, vị thế trong lĩnh vực thi công công trình Hạ tầng kỹ thuật và giao thông.

- Tiếp tục cải tiến quy trình quản lý, sản xuất và mở rộng thị trường cho lĩnh vực sản xuất, gia công cơ khí để đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tập trung tìm kiếm cơ hội đấu thầu, tham gia các dự án lớn, trọng điểm do Bộ Giao thông Vận tải, tập đoàn EVN, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam,... làm chủ đầu tư
- Cân đối bố trí xe máy thiết bị phù hợp với biện pháp thi công nhằm nâng cao hiệu quả và hệ số sử dụng xe máy thiết bị hiện có của Công ty.

Việc thực hiện thành công kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh năm 2015 sẽ là tiền đề, cơ sở quan trọng để thực hiện định hướng, chiến lược phát triển của Công ty, tạo đà cho sự phát triển lâu dài và bền vững, tạo nên và khẳng định một thương hiệu Công ty lớn mạnh.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

1.1 Những việc đã làm được

Về định hướng chiến lược:

a) Định hướng chiến lược:

- Đã xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân viên đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng.
- Thực hiện chia tách, sáp nhập các bộ phận, đơn vị đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu quả.
- Cân đối năng lực thi công trên công trường nhằm giảm thiểu chi phí và tăng năng suất lao động.
- Thường xuyên tìm kiếm, thay đổi các đối tác cung cấp nguồn nguyên liệu nhằm ổn định sản xuất, giảm thiểu giá thành đầu vào nâng cao lợi nhuận SXKD của Công ty.

b) Công tác quản lý:

- Chú trọng công tác nhân sự từ các cấp quản lý tới các cá nhân trực tiếp thi công trên công trường. Liên tục tổ chức đào tạo và đào tạo lại tại chỗ đối với toàn thể CBCNV đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh chung của Công ty.
- Phân loại, thanh lý đối với các xe máy cũ có hiệu quả thi công thấp và tiến hành đầu tư mới nhằm nâng cao năng lực thi công của Công ty.
- Thực hiện đầy đủ quy trình, giám sát chặt chẽ công tác sử dụng máy móc thiết bị và đánh giá thường xuyên tiêu hao nhiên liệu, mặt khác kiểm soát tốt nguồn/sàng lọc nhà thầu cung cấp nguyên liệu, vật tư phục vụ công tác thi công trên công trường.
- Thường xuyên vận dụng, bổ sung sửa đổi các quy chế, quy định đảm bảo phù hợp với định hướng hoạt đông của Công ty trong năm 2014 và các năm tiếp theo.
- Khai thác triệt để các tính năng ứng dụng của các phần mềm quản lý nhằm rút ngắn và đơn giản các quy trình thực hiện công việc tại mỗi công đoạn.

Về Công tác quản trị - Giám sát thực hiện:

a) Công tác Quản trị:

- Tận dụng các cơ hội phát triển, mạnh dạn đầu tư vào các lĩnh vực mới bắt kịp xu hướng thời đại, đặc biệt trong lĩnh vực thi công xây dựng.
- Phát triển mạnh các nguồn lực sẵn có, tiến hành thải hồi các phương tiện sản xuất lạc hậu nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

b) Giám sát thực hiện:

- Sát nhập, giải thể, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban, bộ phận phục vụ hiệu quả cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực chuyên môn.
- Phân tích hiệu quả đầu tư, tiến hành tạm dừng đối với các công trình, dự án chưa thực sự mang lại hiệu quả kinh tế, tập trung vào lĩnh vực hoạt động chính của Công ty.
- Cân đối xe phục vụ, điều động hợp lý đảm bảo kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Rà soát các hợp đồng, chỉ đạo xuất toán đối với các hạng mục công trình dở dang.
- Trên cơ sở kế hoạch SXKD của Công ty phê duyệt lại quy chế trả lương, quy chế quản lý công tác Hợp đồng và quy chế làm việc áp dụng cho toàn Công ty.
- Thực hiện các chế độ liên quan đối với người lao động đảm bảo tăng cường gắn bó và đóng góp của mỗi CBCNV đối với Công ty.

1.2 Những việc chưa làm được

Bên cạnh những việc đã đạt được, Công ty còn một số tồn tại chưa giải quyết được cụ thể như sau:

- Công tác tổ chức, đổi mới doanh nghiệp.
  - Chưa thực hiện triệt để việc sắp xếp, định biên nhân sự, đặc biệt là bộ máy gián tiếp, phục vụ tại cơ quan Công ty cũng như tại các đội xây lắp;
- Công tác thi công, nghiệm thu, bàn giao công trình:

Một số công trình đã thi công xong nhưng chưa nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng, chưa được thanh quyết toán, đặc biệt là công trình Nhà máy xi măng Hạ Long, thủy điện Nậm Khánh, Hủa Na, Xekaman ...

- Công tác thu hồi vốn và công nợ còn chậm

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty

Với chức năng điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban giám đốc có quyền quyết định các công việc liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty, đồng thời có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Do đó hoạt

động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban giám đốc không chỉ ở việc tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT và còn đối với các hoạt động thuộc phạm vi quyền hạn của Ban giám đốc:

Đối với thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ về kế hoạch SXKD hàng năm được ĐHĐCĐ thông qua: Ban giám đốc có trách nhiệm triển khai và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, bán niên với HĐQT để HĐQT nắm được và có quyết định điều chỉnh hoặc bổ sung kịp thời đối với những vấn đề phát sinh cần có quyết định của HĐQT. Với những vấn đề thuộc thẩm quyền phê chuẩn của ĐHĐCĐ thì HĐQT sẽ tiến hành các bước cần thiết theo quy định của pháp luật, của điều lệ công ty để có được sự phê chuẩn trong thời gian nhanh nhất để Ban giám đốc tiếp tục thực thi nhiệm vụ của mình một cách có hiệu quả.

Việc thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT: Đối với các quyết định của HĐQT mang tính chiến lược, kế hoạch phát triển trung và dài hạn thì trong quá trình triển khai Ban giám đốc có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện định kỳ,theo giai đoạn bằng văn bản, đồng thời qua các cuộc họp chuyên môn,...Với các quyết định khác quy định thời gian thực hiện, Ban giám đốc triển khai và thực hiện báo cáo kết quả ngay khi công việc kết thúc.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

3.1 Định hướng

- Phê duyệt, bổ sung và chỉnh sửa tăng cường mở rộng mối quan hệ, tập trung tìm kiếm và chỉ đạo triển khai các dự án do Tổng công ty Sông Đà, Tập đoàn Dầu khí, Tập đoàn Điện lực, các Ban quản lý thuộc Bộ Giao thông vận tải, Bộ xây dựng nhằm mục đích mở rộng hoạt động SXKD, tạo cơ hội tăng thu nhập cho CBCVN Công ty đồng thời khẳng định uy tín, tạo thương hiệu đối với các Chủ đầu tư;

- Ban hành các quy chế, quy trình làm việc của Công ty phù hợp với tình hình thực tế và xu hướng phát triển về quy mô và năng lực của Công ty;

- Chỉ đạo ổn định công tác tổ chức, phê duyệt cơ cấu mô hình tổ chức sản xuất của Công ty phù hợp với thực tế SXKD, Điều lệ và Quy chế hoạt động của Công ty;

- Chiến lược đào tạo con người, đặc biệt công tác bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và lực lượng lao động lành nghề đã được quan tâm hàng đầu, việc triển khai thực hiện đạt hiệu quả cao.

- Chỉ đạo, đôn đốc thực hiện triển khai các dự án đầu tư có hiệu quả: Xe máy, thiết bị thi công phục vụ các dự án công ty đang tham gia thi công và định hướng đầu tư phù hợp đảm bảo tiến độ và kế hoạch;

- Phân tích nhu cầu, định hướng đầu tư máy móc, thiết bị, vật tư phù hợp đảm bảo ổn định sản xuất.

3.2 Chỉ đạo thực hiện và kế hoạch hành động

Năm 2015, toàn Công ty cần tập trung huy động mọi nguồn lực về tài chính, nhân lực, máy móc thiết bị, triển khai đồng bộ đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ sản xuất, với các mục tiêu và một số giải pháp trong từng lĩnh vực công tác sau:

3.2.1 Công tác thi công, thu hồi công nợ tại các công trình

Đảm bảo mục tiêu tiến độ các công trình: Thi công các công trình hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng công trình theo hợp đồng ký kết với Chủ đầu tư.

3.2.2 Công tác đầu tư

- Cân đối năng lực xe máy thiết bị hiện có và nhu cầu mở rộng SXKD, thực tế sản xuất, Giám đốc Công ty trình HĐQT phê duyệt các dự án đầu tư nhằm nâng cao năng lực thiết bị thi công hiện đại.

3.2.3 Công tác tiếp thị, đấu thầu

- Tăng cường công tác tiếp thị, từng bước mở rộng thị trường để chuẩn bị cho kế hoạch SXKD năm 2015 và các năm tiếp theo;
- Nắm tình hình, chuẩn bị các điều kiện để tham gia đấu thầu những gói thầu thuộc các dự án lớn: Dự án Phát triển giao thông vận tải khu vực Đồng bằng Bắc bộ, Nam bộ, các dự án về giao thông khác.
- Tìm kiếm các công việc tại các dự án nhiệt điện lớn như: Nhiệt điện Long Phú; Thái Bình; Sông Hậu...
- Có báo cáo đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình triển khai các dự án trước đây trong tất cả các khâu (đấu thầu, đàm phán, ký kết hợp đồng với CĐT...) đảm bảo tối đa lợi nhuận thu được từ các dự án, công trình chuẩn bị thực hiện.

3.2.4 Công tác tổ chức, đổi mới doanh nghiệp

- Thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, mở rộng sản xuất.
- Hoàn thiện bộ nhận diện thương hiệu và tăng cường công tác truyền thông với phương châm **"Kiến tạo giá trị - Vị thế nâng tầm"**. Duy trì Hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn **ISO 9001:2008** và cải tiến thường xuyên nâng cao tính hiệu lực của Hệ thống này.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các phòng chức năng theo chuyên ngành nhằm giải quyết tốt các nghiệp vụ phát sinh; Củng cố và tăng cường lực lượng làm công tác thị trường và hồ sơ dự thầu các công trình đặc biệt là công trình giao thông;
- Đánh giá, thực hiện công tác định biên nhân sự và luân chuyển cán bộ để tạo nguồn cho các năm tiếp theo;
- Phát động các phong trào thi đua hoàn thành các mục tiêu tiến độ trên các công trình đang thi công.
- Theo dõi, đánh giá việc áp dụng quy chế trả lương mới nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao đóng góp cho công ty.

- Tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định quản lý nội bộ cho phù hợp với pháp luật và thực tế hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu tối đa chi phí quản lý, nâng cao hiệu quả điều hành sản xuất;
- Xây dựng cẩm nang điều hành cho toàn bộ các lĩnh vực liên quan trong và ngoài lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

3.2.5 Công tác Kinh tế - Kỹ thuật – Tài chính kế toán

- Quản lý chặt chẽ tiến độ, chất lượng các công trình thi công, duy trì và thực hiện nghiêm túc về việc giám sát thi công;
- Bám sát Chủ đầu tư để kịp thời giải quyết các vướng mắc về thiết kế, biện pháp thi công, dự toán để đẩy nhanh tiến độ thu vốn;
- Tập trung triển khai thi công đúng tiến độ các công trình nhằm hoàn thành xuất sắc kế hoạch các chỉ tiêu kinh tế đã đề ra;
- Các phòng thường xuyên kết hợp với các đội trong công tác thanh, quyết toán công trình đã và đang thi công;
- Kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí, sử dụng vốn hợp lý, kịp thời hạch toán bảo đảm phản ánh đúng tình hình, hiệu quả SXKD;
- Thu hồi công nợ: Đẩy nhanh tiến độ thu vốn, công nợ các hạng mục công trình đang thi công. Đôn đốc các đơn vị có liên quan hoàn tất thủ tục thanh toán dứt điểm công nợ tại các công trình như Nậm Khánh, Hủa Na, Xekaman 3, …
- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc hoạt động và bảo đảm chế độ của mạng lưới an toàn viên. Triển khai kiểm tra việc thực hiện biện pháp đảm bảo an toàn trong ngành xây dựng.

3.2.6 Công tác quản lý vật tư cơ giới

- Cân đối bố trí xe máy thiết bị phù hợp với biện pháp thi công nhằm nâng cao hiệu quả và hệ số sửa dụng xe máy thiết bị hiện có của Công ty;
- Tiếp tục chấn chỉnh lại công tác chăm sóc bảo dưỡng kỹ thuật xe, máy, thiết bị đúng quy trình quy phạm, đảm bảo kế hoạch sửa chữa lớn xe máy thiết bị.
- Xây dựng kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ tay nghề, nâng cao kiến thức và kỹ năng vận hành, bảo dưỡng kỹ thuật xe, máy, đảm bảo năng lực xe, máy đáp ứng được yêu cầu tiến độ thi công;
- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc sử dụng xe máy, quyết toán nhiên liệu, sử dụng vật tư phụ tùng ở các đơn vị, có biện pháp chấn chỉnh kịp thời khi phát hiện sai sót;

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên HĐQT và cơ cấu của HĐQT

- Ông Nguyễn Công Hùng - Chủ tịch HĐQT

- Ông Nguyễn Đăng Lanh - Thành viên HĐQT Miễn nhiệm ngày 29/01/2015
- Ông Nguyễn Văn Đại - Thành viên HĐQT Miễn nhiệm ngày 29/01/2015
- Ông Nguyễn Chính Đại - Thành viên HĐQT
- Ông Trần Nhân Nghĩa - Thành viên HĐQT Miễn nhiệm ngày 22/06/2015
- Ông Hoàng Công Tuấn - Thành viên HĐQT Bổ nhiệm ngày 29/01/2015
- Ông Nguyễn Văn Phúc - Thành viên HĐQT Bổ nhiệm ngày 14/07/2015
- Ông Lương Thanh Tùng - Thành viên HĐQT Bổ nhiệm ngày 29/01/2015

1.2 Các tiểu ban thuộc HĐQT

Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban.

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị

1.3.1 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ (%)	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch	4/4	100	
2	Hoàng Công tuấn	Thành viên	3/4	75	Bổ nhiệm ngày 29/01/15
3	Lương Thanh Tùng	Thành viên	3/4	75	Bổ nhiệm ngày 29/01/15
4	Nguyễn Chính Đại	Thành viên	4/4	100	
5	Nguyễn Văn Phúc	Thành viên	2/4	50	Bổ nhiệm ngày 14/07/15
6	Nguyễn Đăng Lanh	Thành viên	1/4	25	Miễn nhiệm ngày 29/01/15
7	Trần Nhân Nghĩa	Thành viên	2/4	50	Miễn nhiệm ngày 22/06/15
8	Nguyễn Văn Đại	Thành viên	1/4	25	Miễn nhiệm ngày 29/01/15

1.3.2 Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị với Ban giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị đều thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình, có nhiều ý kiến đóng góp vào công việc quản trị điều hành và có những nhận xét đánh giá đúng mức vai trò trách nhiệm của Hội đồng quản trị cũng như trách nhiệm điều hành của Ban giám đốc và đã cố gắng theo dõi sát diễn biến tình hình, kịp thời có những chỉ đạo và giải pháp thích hợp để thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2015; triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý IV năm 2015.

Hai thành viên Hội đồng quản trị cũng là thành viên Ban giám đốc nên việc báo cáo, cung cấp thông tin về hoạt động của Ban giám đốc cho Hội đồng quản trị cũng rất thuận lợi. Hội đồng quản trị đã giám sát hoạt động của Ban giám đốc trong việc thực hiện những công việc sau:

- Báo cáo tài chính năm 2014 và Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2015.
- Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2015; kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2015 và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh quý IV năm 2015.
- Chỉ đạo, giám sát việc đầu tư các dự án của Công ty.

1.3.3 Các nghị quyết của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/QĐ-SICCO-HĐQT	16/01/2015	Ông Nguyễn Công Hùng thôi giữ kiêm nhiệm chức vụ giám đốc điều hành
2	02/QĐ-SICCO-HĐQT	16/01/2015	Bổ nhiệm giám đốc điều hành đối với Ông Hoàng Công Tuấn
3	02c/NQ-SICCO-HĐQT	16/01/2015	Phê duyệt hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh gói thầu XM01 – GĐ7
4	04a/QĐ-SICCO-HĐQT	17/01/2015	Phê duyệt hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh gói thầu XM01 – GĐ7
5	02b/NQ-SICCO-HĐQT	19/01/2015	Phê duyệt Hồ sơ yêu cầu báo giá gói thầu XM01 – GĐ3
6	02d/NQ-SICCO-HĐQT	20/01/2015	Điều chỉnh dự án đầu tư và kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc DA đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công 2014 – GĐ5
7	04/QĐ-SICCO-HĐQT	20/01/2015	Phê duyệt Hồ sơ yêu cầu báo giá gói thầu XM01 – GĐ3
8	04c/QĐ-SICCO-HĐQT	21/01/2015	Điều chỉnh DA đầu tư và KH lựa chọn nhà thầu thuộc DA đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công 2014 – GĐ5
9	02e/NQ-SICCO-HĐQT	23/01/2015	Phê duyệt hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh gói thầu XM02 – GĐ5
10	04e/NQ-SICCO-HĐQT	24/01/2015	Phê duyệt hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh gói thầu XM02 – GĐ5

STT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung
11	03/NQ-SICCO-HĐQT	26/01/2015	Nghi quyết họp HĐQT quý I năm 2015
12	04/NQ-SICCO-HĐQT	27/01/2015	Phê duyệt kết quả lựa chọ nhà thầu gói thầu XM01 – GĐ3
13	05/NQ-SICCO-HĐQT	27/01/2015	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM01 – GĐ7
14	05/QĐ-SICCO-HĐQT	28/01/2015	Phê duyệt kết quả lựa chọ nhà thầu gói thầu XM01 – GĐ3
15	06/QĐ-SICCO-HĐQT	28/01/2015	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM01 – GĐ7
16	01/NQ-SICCO-ĐHĐCĐ	29/01/2015	Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2015: - Thông qua phương án huy động vốn. - Thông qua nội dung và ủy quyền cho HĐQT thực hiện sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản trong Điều lệ Tổ chức và hoạt động - Thông qua kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2010 -:- 2015.
17	06/NQ-SICCO-HĐQT	29/01/2015	Ủy quyền quan hệ với tổ chức tín dụng.
18	07/SICCO/HĐQT	02/02/2015	Nghị quyết của HĐQT về việc thông qua phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ.
19	08/SICCO/HĐQT	02/02/2015	Nghi quyết của HĐQT về việc thành lập ban điều hành và ban hành quy chế chào bán cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (chương trình ESOP)
20	05/NQ-SICCO-HĐQT	03/02/2015	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thà thầu gói thầu XM02 – GĐ5
21	07/NQ-SICCO-HĐQT	05/02/2015	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thà thầu gói thầu XM02 – GĐ5
22	08a/NQ-SICCO-HĐQT	12/02/2015	Điều chỉnh DA đầu tư và KH lựa

STT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung
			chọn nhà thầu thuộc DA đầu tư naamh cao năng lực thiết bị thi công 2014 – GĐ3
23	08/QĐ-SICCO-HĐQT	13/02/2015	Điều chỉnh DA đầu tư và KH lựa chọn nhà thầu thuộc DA đầu tư naamh cao năng lực thiết bị thi công 2014 – GĐ3
24	09/2015/HĐQT	14/02/2015	Nghị quyết HĐQT về việc thông qua danh sách dự kiến người lao động được tham gia chương trình ESOP năm 2015.
25	09c/NQ-SICCO-HĐQT	24/02/2015	Phê duyệt hồ sơ yêu cầu báo giá gói thầu XM10 – GĐ3
26	09d/NQ-SICCO-HĐQT	24/02/2015	Điều chỉnh dự án đầu tư và kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc dự án 2014 – GĐ4
27	09a/NQ-SICCO-HĐQT	25/02/2015	Phê duyệt hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh gói thầu XM09 – GD3
28	09b/QĐ-SICCO-HĐQT	25/02/2015	Phê duyệt hồ sơ yêu cầu báo giá gói thầu XM10 – GĐ3
29	09c/QĐ-SICCO-HĐQT	25/02/2015	Điều chỉnh dự án đầu tư và kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc dự án 2014 – GĐ4
30	11a/NQ-SICCO-HĐQT	25/02/2015	Phê duyệt hồ sơ yêu cầu chào hành cạnh tranh gói thầu XM02 – GĐ4
31	09d/QĐ-SICCO-HĐQT	26/02/2015	Phê duyệt hồ sơ yêu cầu chào hành cạnh tranh gói thầu XM02 – GĐ4
32	09/QĐ-SICCO-HĐQT	26/02/2015	Phê duyệt hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh gói thầu XM09 – GD3
33	09b/NQ-SICCO-HĐQT	26/02/2015	Phê duyệt hồ sơ yêu cầu báo giá gói thầu XM2 – GĐ7

STT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung
34	09a/NQ-SICCO-HĐQT	27/02/2015	Phê duyệt hồ sơ yêu cầu báo giá gói thầu XM2 – GĐ7
35	11/SICCO/HĐQT	27/02/2015	Nghị quyết của HĐQT về việc thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng.
36	12/NQ-SICCO-HĐQT	07/03/2015	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM09 – GĐ3
37	Số 10/QĐ-SICCO-HĐQT	07/03/2015	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM09 – GĐ3
38	11b/NQ-SICCO-HĐQT	06/03/2015	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM02 – GĐ7
39	10a/QĐ-SICCO-HĐQT	07/03/2015	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM02 – GĐ7
40	11/QĐ-SICCO-HĐQT	10/03/2015	Triệu tập Đại hội ĐCĐ thường niêm năm 2015
41	13/NQ-SICCO-HĐQT	10/03/2015	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM02 – GĐ4
42	12/QĐ-SICCO-HĐQT	11/03/2015	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM02 – GĐ4
43	12a/QĐ-SICCO-HĐQT	21/03/2015	Phê duyệt chủ trương đầu tư ra ngoài Công ty theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh – Nội dung: Hợp tác đầu tư 01 trạm sản xuất bê tông Asphalt
44	13a/NQ-SICCO-HĐQT	21/03/2015	Phê duyệt chủ trương đầu tư ra ngoài Công ty theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh – Nội dung: Hợp tác đầu tư 01 trạm sản xuất bê tông Asphalt
45	13a/QĐ-SICCO-HĐQT	24/03/2015	Dừng đầu tư máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết

STT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung
			bị thi công năm 2014 – GĐ5
46	14a/NQ-SICCO-HĐQT	24/03/2015	Dừng đầu tư máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 – GĐ5
47	15/SICCO-HĐQT	25/03/2015	Chi tiết nguồn vốn thực hiện chào bán cổ phiếu tăng vốn Điều lệ theo nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 01/NQ-SICCO-ĐHĐCĐ ngày 29/01/2015
48	16/NQ-SICCO-HĐQT	10/04/2015	Nghị quyết họp HĐQT quý II năm 2015
49	01/NQ-SICCO-ĐHĐCĐ	24/04/2015	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015: Thông qua báo cáo kết quả SXKD năm 2014 và kế hoạch SXKD năm 2015. Thông qua BCTC năm 2014 đã được kiểm toán. Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2014 và kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2015. Thông qua báo cáo hoạt động năm 2014 và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2015. Thông qua báo cáo quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2014 và Quy chế lương HĐQT, BKS năm 2015. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2014. Ủy quyền cho HĐQT phê duyệt một số nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ. Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ theo luật DN số 68/2014/QH13.

STT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung
			Thông qua kết quả bầu cử HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2015 -:- 2020.
50	18/NQ-SICCO-HĐQT	25/04/2015	Chấp thuận chào mua cổ phần SCI của Công ty cổ phần Sông Đà 909
51	15/QĐ-SICCO-HĐQT	27/05/2015	Phê duyệt phương án vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây.
52	20/NQ-SICCO-HĐQT	27/05/2015	Phê duyệt phương án vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây.
53	21/NQ-SICCO-HĐQT	06/06/2015	Thông qua thang bảng lương áp dụng trong Công ty.
54	22/NQ-SICCO-HĐQT	08/06/2015	Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2015
55	23/NQ-SICCO-HĐQT	11/06/2015	Bổ nhiệm cán bộ quản lý của Công ty
56	16/QĐ-SICCO-HĐQT	22/06/2015	Thành lập chi nhánh: Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 – Chi nhánh phía Nam
57	25/NQ-SICCO-HĐQT	22/06/2015	Chấp thuận đơn xin thôi nhiệm vụ thành viên Hội đồng quản trị của Ông Trần Nhân Nghĩa
58	17 QĐ-SICCO-HĐQT	01/07/2015	QĐ miễn nhiệm chức vụ KTT đối với ông Trần Kim Sơn
59	19 QĐ-SICCO-HĐQT	02/07/2015	QĐ kiện toàn nhân sự Tổ thẩm định dự án đầu tư
60	25b NQ-SICCO-HĐQT	02/07/2015	Nghị quyết của HĐQT về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư năm 2015- Giai đoạn 1
61	26 NQ-SICCO-HĐQT	03/07/2015	Nghị quyết về việc chấp thuận rút chào mua CP SCI

STT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung
62	19a QĐ-SICCO-HĐQT	03/07/2015	Quyết định của HĐQT về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư năm 2015- Giai đoạn 1
63	18 QĐ-SICCO-HĐQT	07/07/2015	QĐ bổ nhiệm KTT đối với ông Đào Gia Thắng
64	20 QĐ-SICCO-HĐQT	07/14/2015	Quyết định bổ nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Văn Phúc
65	28 NQ-SICCO-HĐQT	14/07/2015	Nghị quyết thông qua kết quả chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, người lao động và chào bán tiếp cổ phiếu còn dư
66	29 NQ-SICCO-HĐQT	14/07/2015	Nghị quyết về việc bổ nhiệm thành viên HĐQT
67	30 NQ-SICCO-HĐQT	20/07/2015	NQ thông qua kết quả xử lý cổ phiếu còn dư của đợt chào bản cổ phiếu tăng vốn điều lệ
68	31 NQ-SICCO-HĐQT	21/07/2015	Về việc bổ nhiệm lại Phó giám đốc Công ty
69	32 NQ-SICCO-HĐQT	21/07/2015	NQ về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ sau đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ
70	33 NQ-SICCO-HĐQT	23/07/2015	Nghị quyết về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu báo giá gói thầu XM05
71	20a QĐ-SICCO-HĐQT	24/07/2015	Quyết định về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu báo giá gói thầu XM05
72	33a NQ-SICCO-HĐQT	29/07/2015	Nghị quyết về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu báo giá gói thầu XM06
73	21 QĐ-SICCO-HĐQT	30/07/2015	Quyết định bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty Nguyễn Chính Đại
74	22 QĐ-SICCO-HĐQT	30/07/2015	Quyết định bổ nhiệm Phó Giám đốc

STT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung
			Công ty Nguyễn Quang Hưng
75	23 QĐ-SICCO-HĐQT	30/07/2015	Quyết định phân công nhiệm vụ Trợ lý Chủ tịch HĐQT
76	23a QĐ-SICCO-HĐQT	30/07/2015	Quyết định về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu báo giá gói thầu XM06
77	34 NQ-SICCO-HĐQT	03/08/2015	Nghị quyết về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM05
78	34a NQ-SICCO-HĐQT	03/08/2015	Nghị quyết về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu báo giá gói thầu XM02 - Giai đoạn 1
79	24 QĐ-SICCO-HĐQT	04/08/2015	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM05
80	24a QĐ-SICCO-HĐQT	04/08/2015	Quyết định về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu báo giá gói thầu XM02 - Giai đoạn 1
81	35 NQ-SICCO-HĐQT	10/08/2015	Nghị quyết về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM06
82	35a NQ-SICCO-HĐQT	10/08/2015	Nghị quyết của HĐQT về việc phê duyệt dự án đầu tư năm 2015- Giai đoạn 2
83	36 NQ-SICCO-HĐQT	11/08/2015	Nghị quyết vè việc thay đổi địa chỉ trụ sở và vốn điều lệ
84	25 QĐ-SICCO-HĐQT	11/08/2015	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM06
85	26 QĐ-SICCO-HĐQT	11/08/2015	Quyết định thay đổi trụ sở chính từ tầng 5, tòa nhà Rainbow, Văn Quán, Hà Đông đến tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Mễ Trì, Nam Từ Liêm;
86	37 NQ-SICCO-HĐQT	13/08/2015	Nghị quyết về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM06

STT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung
87	26aQĐ-SICCO-HĐQT	13/08/2015	Quyết định của HĐQT về việc phê duyệt dự án đầu tư năm 2015- Giai đoan 2
88	27 QĐ-SICCO-HĐQT	15/08/2015	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM02 - Giai đoạn 1
89	37a NQ-SICCO-HĐQT	21/08/2015	Nghị quyết của HĐQT về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư năm 2015- Giai đoạn2
90	27a QĐ-SICCO-HĐQT	21/08/2015	Quyết định của HĐQT về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư năm 2015- Giai đoạn 2
91	37b NQ-SICCO-HĐQT	04/09/2015	Nghị quyết về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu báo giá gói thầu XM01- giai đoạn 1
92	37E NQ-SICCO-HĐQT	04/09/2015	Nghị quyết phê duyệt hợp đồng thi công NMNĐ Long Phú 1
93	27b QĐ-SICCO-HĐQT	05/09/2015	Quyết định về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu báo giá gói thầu XM01- giai đoạn 1
94	37c NQ-SICCO-HĐQT	08/09/2015	Nghị quyết về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu báo giá gói thầu XM02- giai đoạn 2
95	27c QĐ-SICCO-HĐQT	08/09/2015	Quyết định về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu báo giá gói thầu XM02- giai đoạn 2
96	37d NQ-SICCO-HĐQT	10/09/2015	Nghị quyết về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu báo giá gói thầu XM01- giai đoạn 2
97	38 NQ-SICCO-HĐQT	11/09/2015	Nghị quyết thông qua danh sách cổ đông chuyển nhượng cổ phần cho Công ty cổ phần SCI

STT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung
98	27d QĐ-SICCO-HĐQT	11/09/2015	Quyết định về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu báo giá gói thầu XM01- giai đoạn 2
99	40 NQ-SICCO-HĐQT	14/09/2015	Nghị quyết về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM01- Giai đoạn 1
100	41 NQ-SICCO-HĐQT	15/09/2015	Nghị quyết về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM02- Giai đoạn 2
101	28 QĐ-SICCO-HĐQT	15/09/2015	Quyết định của HĐQT về việc phê duyệt dự án đầu tư năm 2015- Giai đoan 2
102	29 QĐ-SICCO-HĐQT	15/09/2015	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM01- giai đoạn 1
103	30 QĐ-SICCO-HĐQT	16/09/2015	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM02- giai đoạn 2
104	41a NQ-SICCO-HĐQT	17/09/2015	Nghị quyết của HĐQT về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư năm 2015
105	30a QĐ-SICCO-HĐQT	18/09/2015	Quyết định của HĐQT về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư năm 2015
106	30b QĐ-SICCO-HĐQT	19/09/2015	Quyết định của HĐQT về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư năm 2015
107	42 NQ-SICCO-HĐQT	19/09/2015	Nghị quyết về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM01- Giai đoạn 2
108	43 NQ-SICCO-HĐQT	19/09/2015	Nghị quyết của HĐQT về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn

STT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung
			nhà thầu dự án đầu tư năm 2015
109	31 QĐ-SICCO-HĐQT	21/09/2015	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM01-giai đoạn 2
110	31a QĐ-SICCO-HĐQT	22/09/2015	Quyết định về việc niêm yết cổ phiếu trên sàn HNX
111	44 NQ-SICCO-HĐQT	07/10/2015	Nghị quyết phê duyệt tăng hạn mức tín dụng 2015 tại BIDV Chi nhánh Hà Tây
112	32 QĐ-SICCO-HĐQT	07/10/2015	Quyết định phê duyệt phương án tăng hạn mức tín dụng năm 2015 tại BIDV Chi nhánh Hà Tây
113	32a QĐ-SICCO-HĐQT	09/10/2015	Quyết định của HĐQT về việc phê duyệtphương án đầu tư thiết bị phục vụ thi công
114	44a NQ-SICCO-HĐQT	09/10/2015	Nghị quyết của HĐQT về việc phê duyệt phương án đầu tư thiết bị phục vụ thi công
115	45 NQ-SICCO-HĐQT	12/10/2015	Nghị quyết về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu báo giá gói thầu XM02
116	33 QĐ-SICCO-HĐQT	13/10/2015	Quyết định về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu báo giá gói thầu XM02
117	46 NQ-SICCO-HĐQT	22/10/2015	Nghị quyết về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM02
118	47 NQ-SICCO-HĐQT	23/10/2015	Nghị quyết của HĐQT về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành - Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014- giai đoạn 3
119	34 QĐ-SICCO-HĐQT	23/10/2015	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM02
120	35 QĐ-SICCO-HĐQT	23/10/2015	Quyết định về việc ban hành Quy chế

STT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung
			công bố thông tin
121	36 QĐ-SICCO-HĐQT	23/10/2015	Quyết định ban hành Quy trình công bố thông tin nội bộ Công ty
122	37 QĐ-SICCO-HĐQT	23/10/2015	Quyết định ban hành Quy chế quản trị Công ty
123	38 QĐ-SICCO-HĐQT	23/10/2015	Quyết định của HĐQT về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành - Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014- giai đoạn 3
124	39 QĐ-SICCO-HĐQT	28/102015	Quyết định của HĐQT về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành - Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014- giai đoạn 4
125	48 NQ-SICCO-HĐQT	28/10/2015	Nghị quyết của HĐQT về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành - Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014- giai đoạn 4
126	49 NQ-SICCO-HĐQT	31/10/2015	Nghị quyết của HĐQT về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành - Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014- giai đoạn 5
127	40 QĐ-SICCO-HĐQT	31/10/2015	Quyết định của HĐQT về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành - Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014- giai đoạn 5
128	50 NQ-SICCO-HĐQT	03/11/2015	Nghị quyết của HĐQT về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành - Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014- giai đoạn 6
129	41 QĐ-SICCO-HĐQT	03/11/2015	Quyết định của HĐQT về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành - Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014- giai đoạn 6

STT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung
130	51 NQ-SICCO-HĐQT	06/11/2015	Nghị quyết của HĐQT về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành - Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014- giai đoạn 7
131	42 QĐ-SICCO-HĐQT	06/11/2015	Quyết định của HĐQT về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành - Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014- giai đoạn 7

2. Ban kiểm soát

2.1 Thành viên BKS và cơ cấu của BKS

- Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng - Trưởng BKS Miễn nhiệm ngày 29/01/2015
- Bà Trần Thị Len - Trưởng BKS Bổ nhiệm ngày 29/01/2015
- Ông Phan Thanh Hải - Thành viên BKS Miễn nhiệm ngày 22/06/2015
- Ông Quản Thanh Sơn - Thành viên BKS
- Cao Lữ Phi Hùng - Thành viên BKS Bổ nhiệm ngày 15/07/2015

2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát

- Hoạt động của Ban kiểm soát/ Kiểm soát viên: Trong năm 2015, BKS thường xuyên tham gia trực tiếp vào các cuộc họp của HĐQT hàng quý. Ban kiểm soát đã trực tiếp nắm bắt thông tin quản trị và báo cáo tài chính hàng quý, năm từ các bộ phận chuyên môn của Công ty; đã tham gia để Ban Tổng giám đốc báo cáo HĐQT kịp thời.

- Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty: Thường xuyên chỉ đạo và giám sát Ban Tổng giám đốc thực hiện các chỉ đạo của HĐQT thông qua các nghị quyết, quyết định của HĐQT, nghị quyết đại hội đồng cổ đông.

- Thực hiện đầy đủ công tác báo cáo, kiểm tra giám sát, thực hiện các quyền hạn và trách nhiệm đúng với quy chế và các quy định của pháp luật.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1 Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

TT	Họ và tên	Chức danh	Tiền thù lao	Tiền lương thưởng
A	**Hội đồng quản trị**			
1	Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch HĐQT	462.000.000	
2	Nguyễn Chính Đại	Thành viên HĐQT	72.000.000	
3	Nguyễn Văn Phúc	Thành viên HĐQT	36.000.000	
4	Lương Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	72.000.000	
5	Hoàng Công Tuấn	Thành viên HĐQT	72.000.000	
B	**Ban kiểm soát**			
1	Trần Thị Len	Trưởng BKS	60.000.000	
2	Phan Thanh Hải	Thành viên BKS	24.000.000	
3	Cao Lữ Phi Hùng	Thành viên BKS	24.000.000	
4	Quản Thanh Sơn	Thành viên BKS	48.000.000	
C	**Ban Giám đốc**			
1	Hoàng Công Tuấn	Giám đốc		379.058.524
2	Nguyễn Chính Đại	Phó giám đốc		318.478.459
3	Nguyễn Quang Hưng	Phó giám đốc		339.259.584
4	Lê Công Viên	Phó giám đốc		327.170.981

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng,..)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty CP SCI	Công ty mẹ	0	0%	5.100.000	51%	Đầu tư
2	Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch HĐQT	50.000	0,05%	268.845	2,7%	Tăng do đầu tư thêm

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 được thành lập theo Quyết định số 29/2010/QĐ-HĐQT ngày 08/05/2010 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 9 về việc chuyển đổi Công ty TNHH MTV Cơ khí và Sửa chữa Sông Đà 9 thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 16 tháng 09 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Nguyễn Công Hùng	- Chủ tịch HĐQT	
- Ông Nguyễn Đăng Lanh	- Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 29/01/2015
- Ông Nguyễn Văn Đại	- Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 29/01/2015
- Ông Nguyễn Chính Đại	- Thành viên HĐQT	
- Ông Trần Nhân Nghĩa	- Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 22/06/2015
- Hoàng Công Tuấn	- Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 29/01/2015
- Lương Thanh Tùng	- Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 29/01/2015

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Hoàng Công Tuấn	- Giám đốc	
- Ông Nguyễn Chính Đại	- Phó giám đốc	
- Ông Nguyễn Quang Hưng	- Phó giám đốc	
- Ông Lê Công Viên	- Phó giám đốc	Miễn nhiệm ngày 08/01/2016

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

- Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng	- Trưởng BKS	
- Ông Phan Thanh Hải	- Thành viên BKS	Miễn nhiệm ngày 22/06/2015
- Ông Quản Thanh Sơn	- Thành viên BKS	
- Ông Cao Lữ Phi Hùng	- Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 15/07/2015

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;

- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

(Đã ký)

Hoàng Công Tuấn

Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2016

Số: /2016/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 được lập ngày 18 tháng 01 năm 2016, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù

hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

(đã ký)	*(đã ký)*
Nguyễn Thanh Tùng Phó Tổng Giám đốc Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: Số: 0063-2013-002-1	**Vũ Xuân Biển** Kiểm toán viên Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số: B01-HN

Đơn vị tính: VNĐ

STT	TÀI SẢN	Mã số	Ghi chú		01/01/2015
A	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**279.205.563.822**	**209.795.236.850**
I	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**3**	**17.799.277.018**	**15.824.868.599**
1	Tiền	111		17.799.277.018	9.824.868.599
2	Các khoản tương đương tiền	112		-	6.000.000.000
II	**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**		**18.536.671.886**	-
1	Đầu tư ngắn hạn	121		18.286.671.886	-
2	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		250.000.000	
III	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**124.991.789.802**	**115.162.288.603**
1	Phải thu khách hàng	131		106.233.067.436	106.234.469.109
2	Trả trước cho người bán	132		8.442.250.039	3.765.814.401
3	Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134			
4	Các khoản phải thu khác	135	4	11.036.303.089	5.766.773.492
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(719.830.762)	(604.768.399)
IV	**Hàng tồn kho**	**140**	**5**	**113.978.904.872**	**77.806.723.564**
1	Hàng tồn kho	141		113.999.942.404	77.827.761.096
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(21.037.532)	(21.037.532)
V	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**3.898.920.244**	**1.001.356.084**
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6	560.431.968	230.944.150
2	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.338.488.276	770.411.934
B	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**83.368.929.761**	**64.585.445.506**
I	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**8.000.000**	**196.496.190**
II	**Tài sản cố định**	**220**		**76.311.622.717**	**60.888.201.742**
1	Tài sản cố định hữu hình	221	8	76.311.622.717	60.888.201.742
	- Nguyên giá	222		*117.853.748.775*	92.914.048.823
	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	*223*		(41.542.126.058)	(32.025.847.081)
III	**Bất động sản đầu tư**	**240**		**2.669.800.221**	**1.213.907.221**
1	*- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)*	*242*		2.669.800.221	1.213.907.221
IV	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**4.379.506.823**	**2.286.840.353**
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	10	4.379.506.823	2.286.840.353
VI	**Lợi thế thương mại**	**269**			-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**362.574.493.583**	**198.304.884.301**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Tiếp theo)

Mẫu số: B01-HN

Đơn vị tính: VNĐ

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Ghi chú	31/12/2015	01/01/2015
A	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**237.966.689.484**	**207.679.048.385**
I	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**214.442.228.556**	**195.244.044.609**
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	11	45.334.860.919	35.791.913.683
2	Phải trả người bán	312		43.541.501.245	48.855.307.235
3	Người mua trả tiền trước	313		5.103.879.760	7.639.818.764
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	12.537.207.510	9.519.736.721
5	Phải trả người lao động	315		3.292.942.583	4.220.819.602
7	Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	319	14	4.401.593.758	2.187.245.277
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		99.467.812.298	86.445.241.996
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		762.430.483	583.961.331
II	**Nợ dài hạn**	**330**		**23.524.460.928**	**12.435.003.776**
1	Vay và nợ dài hạn	334	15	23.524.460.928	12.435.003.776
2	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			-
B	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**124.607.804.099**	**66.701.633.971**
I	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**16**	**124.607.804.099**	**66.701.633.971**
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	50.000.000.000
2	Quỹ dự phòng tài chính	418		4.722.740.999	3.534.309.465
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		19.885.063.100	13.167.324.506
II	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**			-
C	**LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**	**439**			-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**362.574.493.583**	**274.380.682.356**

(Đã ký)	*(Đã ký)*	*(Đã ký)*
Lê Thị Thu Hiền	**Đào Gia Thắng**	**Hoàng Công Tuấn**
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2015

Mẫu số: B02-HN
Đơn vị tính: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Ghi chú	Năm 2015	Năm 2014
	1	2	3	4	5
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	18	**292.273.178.295**	**218.966.824.436**
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		**292.273.178.295**	**218.966.824.436**
4	Giá vốn hàng bán	11	19	**250.069.656.433**	**185.299.096.685**
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		**42.203.521.862**	**33.667.727.751**
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	4.218.199.243	51.951.223
7	Chi phí tài chính	22	21	11.036.205.932	6.573.899.039
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*10.723.409.654*	*6.573.837.893*
8	Chi phí bán hàng	24	22	44.181.818	174.045.456
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	23	16.652.479.267	13.265.804.265
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		**18.688.854.088**	**13.705.930.214**
11	Thu nhập khác	31	24	224.603.092	98.034.482
12	Chi phí khác	32	25	790.102.658	2.632.647.669
13	Lợi nhuận khác	40		(565.499.566)	**(2.534.613.187)**
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		**18.123.354.522**	**11.171.317.027**
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		4.067.842.957	3.028.440.133
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		**14.055.511.565**	**8.142.876.894**
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		**1.718**	**1.481**

(Đã ký)	*(Đã ký)*	*(Đã ký)*
Lê Thị Thu Hiền	**Đào Gia Thắng**	**Hoàng Công Tuấn**
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2014
(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***	***18.123.354.522***	***11.171.317.027***
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	9.597.278.977	6.748.917.127
- Các khoản dự phòng	03	115.062.363	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	61.146
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(510.435.321)	(96.937.351)
- Chi phí lãi vay	06	10.723.409.654	6.573.837.893
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***	***38.048.670.195***	***24.397.195.842***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(12.324.143.714)	(27.865.029.176)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(36.172.181.308)	(30.900.579.872)
- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	11.743.225.382	40.903.739.581
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(2.422.154.288)	(1.610.585.295)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(18.286.671.886)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(10.687.333.500)	(6.555.963.648)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	(2.473.257.531)	(4.578.895.462)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	149.500.000	-
- Tiền chi cho các hoạt động kinh doanh	17	(1.047.114.754)	(657.344.372)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***(33.471.461.404)***	***(6.867.462.402)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XDTSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(34.097.592.952)	(24.780.813.908)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TS dài hạn	22	227.272.727	83.375.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(250.000.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	454.162.594	35.267.890
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(33.666.157.631)***	***(24.662.171.018)***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	280.165.522.788	174.348.028.035
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(256.053.495.334)	(142.888.417.189)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(2.450.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	***69.112.027.454***	***29.009.610.846***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)	**50**	**1.974.408.419**	**(2.520.022.574)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**15.824.868.599**	**18.344.952.319**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(61.146)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (50+60+61)	**70**	**17.799.277.018**	**15.824.868.599**

(Đã ký)	*(Đã ký)*	*(Đã ký)*
Lê Thị Thu Hiền	**Đào Gia Thắng**	**Hoàng Công Tuấn**
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 được thành lập theo Quyết định số 29/2010/QĐ-HĐQT ngày 08/05/2010 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 9 về việc chuyển đổi Công ty TNHH MTV Cơ khí và Sửa chữa Sông Đà 9 thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 16 tháng 09 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 100 tỷ đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 100.000.000.000 đồng; tương đương 10.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất, xây dựng công trình cửa như: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống… Đập và đê, xây dựng đường hầm; các công việc xây dựng khác không phải nhà như: các công trình thể thao ngoài trời;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng: Xây dựng nền móng của tòa nhà gồm đóng cọc, thử độ ẩm và các công việc thử nước, Chống ẩm các tòa nhà, chôn chân trụ, dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, uốn thép, xây gạch và đặt đá, lợp mái bao phủ tòa nhà; Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao; Các công việc dưới bề mặt; Xây dựng bể bơi ngoài trời; Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài tòa nhà; Thuê cần trục có người điều khiển.
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng: làm sạch mặt bằng xây dựng; vận chuyển đất: đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá, nổ mìn. Chuẩn bị mặt bằng để khai thác như: chuyển vật cồng kềnh và các hoạt động chuẩn bị, phát triển khác đối với các mặt bằng và tài sản khoáng sản, ngoại trừ ở những vùng dầu và khí; Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự; hệ thống cấp thoát nước mặt bằng xây dựng; hệ thống cấp thoát nước nông nghiệp và lâm nghiệp;

- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện như máy biến thế, rowle, cầu dao, cầu chì,...); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy công nghiệp.
- Sửa chữa máy móc, thiết bị
- Khai thác quặng sắt (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép)
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Sản xuất , truyền tải và phân phối điện: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Mua bán điện
- Cho thuê xe có động cơ: Cho thuê ô tô
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (trừ mặt hàng Nhà nước cấm)
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu: Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại.

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau :	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	Sóc Trăng – Việt Nam	Xây lắp

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 40 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 10 năm
- Phương tiện vận tải	04 – 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 08 năm

2.8 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

2.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ

việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.10 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hoá đơn phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 - Hợp đồng xây dựng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn;

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập.

2.15 Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.16 Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm tài chính hiện hành và các năm tài chính trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

2.17 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	547.178.595	475.116.467
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.252.098.423	9.349.752.132
Các khoản tương đương tiền	-	6.000.000.000
	17.799.277.018	**15.824.868.599**

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND		VND
Đầu tư ngắn hạn	250.000.000	-	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	250.000.000	250.000.000	-	-
	250.000.000	**250.000.000**	-	-

b) Chứng khoán kinh doanh

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

		31/12/2015	01/01/2015
		VND	VND
a)	**Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có**		
	Công ty CP Sông Đà 9	13.407.291.679	7.779.108.494
	VPĐD TCT Sông Đà - Ban điều hành Dự án Thủy điện	14.300.024.926	14.141.845.548
	Công ty CP Licogi 13	15.643.046.996	54.943.559.157
	Công ty CP Sông Đà 5	12.922.369.957	-
	Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 8 - CTCP	11.227.394.000	-
	Chi nhánh TCT CP Dịch vụ KT Dầu khí Việt Nam - Ban điều hành Nhiệt điện Long Phú	11.321.376.061	-
	Các khoản phải thu khách hàng khác	27.411.563.817	29.369.955.910
		106.233.067.436	**106.234.469.109**
b)	**Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh**		
	Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	106.233.067.436	106.234.469.109
		106.233.067.436	**106.234.469.109**

6. PHẢI THU KHÁC

		31/12/2015		01/01/2015	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
a)	**Ngắn hạn**				
	Tạm ứng	4.458.970.142	-	3.589.082.553	-
	Ký cược, ký quỹ	-	-	13.000.000	-
	Phải thu tiền vật tư tạm ứng cho các công trình	1.166.850.555	-	1.017.633.393	-
	Phải thu tiền tạm ứng lương cho người lao động	811.721.694	-	302.279.483	-
	Tiền bán chứng khoán 3 ngày cuối chưa về	1.861.703.250	-	-	-
	Công ty CP Sản xuất thương mại và KT toàn cầu Hitec	1.298.150.000	-	-	-
	Tiền khối lượng tại Công trình Hạ Long	381.192.683	-	-	-
	Phải thu khác	1.057.714.765	-	844.778.063	-
		11.036.303.089	**-**	**5.766.773.492**	**-**
b)	**Dài hạn**				
	Ký cược, ký quỹ	8.000.000	-	196.496.190	-
		8.000.000	**-**	**196.496.190**	**-**

7. NỢ XẤU

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Chi nhánh TCT Thành An tại Hoà Bình	266.288.815	-	266.288.815	-
- Công ty CA VICO Việt Nam xây dựng giao thông	70.000.737	-	70.000.737	-
- Các khoản khác	383.541.210	-	383.541.210	115.062.363
	719.830.762	**-**	**719.830.762**	**115.062.363**

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	11.582.323.285	(21.037.532)	6.910.015.793	(21.037.532)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	102.417.619.119	-	70.917.745.303	-
	113.999.942.404	**(21.037.532)**	**77.827.761.096**	**(21.037.532)**

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công trình QL1 - Phú Yên	11.842.870.189	11.842.870.189	6.853.461.220	6.853.461.220
Công trình đường Hồ Chí Minh - Đà Nẵng	11.950.088.865	11.950.088.865	-	-
Công trình đường Thà Làu - Sầm Tày tại Lào (gói 2)	6.679.214.354	6.679.214.354	-	-
Công trình Lèng Beng - Lào	4.995.922.718	4.995.922.718	4.030.771.143	4.030.771.143
Công trình Thủy điện Lai Châu	5.575.840.859	5.575.840.859	5.536.459.495	5.536.459.495
Công trình bến nhập thiết bị Nhiệt điện Long Phú	26.191.664.095	26.191.664.095	-	-
Hạng mục đóng cọc nhà máy Nhiệt điện Long Phú	24.486.033.040	24.486.033.040	-	-
Các công trình khác	10.695.984.999	10.695.984.999	54.497.053.445	54.497.053.445
	102.417.619.119	**102.417.619.119**	**70.917.745.303**	**70.917.745.303**

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	1.213.907.221	1.213.907.221
- *Chi phí xây dựng văn phòng tại Đà Nẵng*	*1.213.907.221*	*1.213.907.221*
Mua sắm tài sản cố định	390.000.000	-
- *Ô tô tải có cần cẩu Huyndai*	*390.000.000*	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	1.065.893.000	-
- *Sửa chữa xe ô tô tại công trình*	*1.065.893.000*	-
	2.669.800.221	**1.213.907.221**

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	560.431.968	230.944.150
	560.431.968	**230.944.150**
b) Dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	723.477.489	1.850.551.493
Chi phí sửa chữa văn phòng	3.656.029.334	436.288.860
	4.379.506.823	**2.286.840.353**

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

		31/12/2015		01/01/2015	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND	VND	VND	VND
a)	**Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**				
	Công ty TNHH Đại Minh	4.832.027.136	4.832.027.136	4.421.766.520	4.421.766.520
	Công ty CP DVC Việt Nam	8.734.221.171	8.734.221.171	15.820.081.569	15.820.081.569
	Công ty CP SCI	6.827.454.670	6.827.454.670	35.579.443	35.579.443
	Xí nghiệp Sông Đà 203	3.712.847.344	3.712.847.344	-	-
	Phải trả các đối tượng khác	21.228.310.598	21.228.310.598	15.514.486.151	15.514.486.151
		45.334.860.919	**45.334.860.919**	**35.791.913.683**	**35.791.913.683**
b)	**Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán**				
	Phải trả người bán ngắn hạn	45.334.860.919	45.334.860.919	35.791.913.683	35.791.913.683
		45.334.860.919	**45.334.860.919**	**35.791.913.683**	**35.791.913.683**
d)	**Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem chi tiết tại thuyết minh số 34.)**	**6.827.454.670**	**6.827.454.670**	**35.579.443**	**35.579.443**

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	913.214.697	5.350.091.090	6.263.305.787	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.819.655.670	4.141.100.488	2.473.257.531	-	4.487.498.627
Thuế Thu nhập cá nhân	-	994.579.111	394.673.534	1.170.771.210	-	218.481.435
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	286.759.450	-	-	-	286.759.450
Các loại thuế khác	-	5.190.507	-	-	-	5.190.507
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp l	-	2.620.419.329	522.981.591	3.037.451.179	-	105.949.741
	-	**7.639.818.764**	**10.408.846.703**	**12.944.785.707**	-	**5.103.879.760**

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	184.758.709	148.682.555
- Trích trước chi phí công trình Núi Pháo	-	3.942.212.727
- Trích trước chi phí công trình Kè Sông Hồng	-	83.333.636
- Tiền vật tư sử dụng quá định mức phải trả	470.085.917	-
- Trích trước tiền thuê ca máy	2.486.052.727	-
- Chi phí phải trả khác	152.045.230	46.590.684
	3.292.942.583	**4.220.819.602**

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	115.916.567	56.304.865
- Bảo hiểm xã hội	301.252.777	416.196.192
- Bảo hiểm thất nghiệp	20.260.000	10.772.282
- Phải trả vật tư tạm nhập trong kỳ	1.024.496.181	1.195.366.233
- Lãi chậm nộp Bảo hiểm xã hội	3.782.722	284.982.033
- Ứng trước tiền bán chứng khoán	1.857.482.664	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.078.402.847	223.623.672
	4.401.593.758	**2.187.245.277**

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn ngân hàng	79.466.091.996	79.466.091.996	257.787.908.674	246.776.900.584	90.477.100.086	90.477.100.086
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Tây (1)	71.986.699.591	71.986.699.591	191.748.741.212	183.151.657.792	80.583.783.011	80.583.783.011
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (2)	6.378.150.405	6.378.150.405	48.284.761.462	44.769.594.792	9.893.317.075	9.893.317.075
- Huy động vốn của CBCNV	-	-	1.100.000.000	1.100.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần chứng khoán IB	-	-	16.654.406.000	16.654.406.000	-	-
- Công ty tài chính CP Sông Đà	59.200.000	59.200.000	-	59.200.000	-	-
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương	1.042.042.000	1.042.042.000	-	1.042.042.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	6.979.150.000	6.979.150.000	8.990.712.212	6.979.150.000	8.990.712.212	8.990.712.212
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Tây (3)	6.857.150.000	6.857.150.000	7.620.512.212	6.857.150.000	7.620.512.212	7.620.512.212
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (4)	122.000.000	122.000.000	1.370.200.000	122.000.000	1.370.200.000	1.370.200.000
	86.445.241.996	86.445.241.996	266.778.620.886	253.756.050.584	99.467.812.298	99.467.812.298
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Tây (3)	16.716.437.776	16.716.437.776	18.932.614.114	7.332.828.750	28.316.223.140	28.316.223.140
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (4)	1.969.500.000	1.969.500.000	3.445.000.000	1.215.550.000	4.198.950.000	4.198.950.000
- Công ty tài chính CP Sông Đà	207.200.000	207.200.000	-	207.200.000	-	-
- Ngân hàng Agribank Chi nhánh Hùng Vương	521.016.000	521.016.000	-	521.016.000	-	-
	19.414.153.776	19.414.153.776	22.377.614.114	9.276.594.750	32.515.173.140	32.515.173.140
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(6.979.150.000)	(6.979.150.000)	(8.990.712.212)	(6.979.150.000)	(8.990.712.212)	(8.990.712.212)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	12.435.003.776	12.435.003.776			23.524.460.928	23.524.460.928

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trư	**50.000.000.000**	**2.573.672.663**	**6.797.424.041**	**59.371.096.704**
Lãi trong năm trước	-	-	8.142.876.894	8.142.876.894
Phân phối lợi nhuận	-	960.636.802	(1.772.976.429)	(812.339.627)
Số dư cuối năm tru	**50.000.000.000**	**3.534.309.465**	**13.167.324.506**	**66.701.633.971**
Số dư đầu năm nay	**50.000.000.000**	**3.534.309.465**	**13.167.324.506**	**66.701.633.971**

Tăng vốn trong năm nay (1)	50.000.000.000	-	(5.000.000.000)	45.000.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	14.055.511.565	14.055.511.565
Phân phối lợi nhuận (2)	-	1.188.431.534	(1.822.261.686)	(633.830.152)
Giảm khác (3)	-	-	(515.511.285)	(515.511.285)
Số dư cuối năm nay	**100.000.000.000**	**4.722.740.999**	**19.885.063.100**	**124.607.804.099**

(1) Công ty đã hoàn thành thủ tục tăng vốn theo Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng số 214/SICCO-BCKQ ngày 20 tháng 07 năm 2015 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước với tổng số cổ phiếu đã phát hành 5.000.000 cổ phiếu, trong đó: cổ phiếu để tạm ứng cổ tức năm 2014 phát hành thành công 500.000 cổ phiếu, tương ứng với tổng giá trị theo mệnh giá là 5 tỷ đồng (được lấy từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối), cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu là 4.500.000 cổ phiếu, tương ứng với tổng giá trị theo mệnh giá là 45 tỷ đồng. Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán là 45 tỷ đồng.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG

STT	Nội dung sử dụng vốn	Số tiền			Ghi chú
		Dự kiến sử	Đã sử dụng	Chưa sử dụng	
1	Đầu tư máy móc thiết bị phục vụ các hợp đồng đã ký kết	10.000.000.000	6.702.686.284	3.297.313.716	
2	Bổ sung vốn lưu động để triển khai các hợp đồng đã ký kết	35.000.000.000	35.000.000.000	-	
	Tổng cộng	45.000.000.000	41.702.686.284	3.297.313.716	

(2) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên 2015 số 01/NQ-SICCO-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2015, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	(%)	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp dùng để phân phối	100,00%	7.922.876.894
Trích Quỹ đầu tư phát triển	15,00%	1.188.431.534
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8,00%	633.830.152
Trả cổ tức bằng cổ phiếu thưởng (tỷ lệ 10% vốn điều lệ)	63,11%	5.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	13,89%	1.100.615.208

(3) Chi phí họp đại hội đồng cổ đông và điều chỉnh thuế năm 2014 được Hội đồng quản trị thống nhất ghi giảm Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2014.

b) **Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
	(%)	VND	(%)	VND
- Vốn góp của Công ty Cổ phần SCI	51,00%	51.000.000.000	0,00%	-
- Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	7,81%	7.810.000.000	5,00%	2.500.000.000
- Các cổ đông khác	41,19%	41.190.000.000	95,00%	47.500.000.000
	100%	**100.000.000.000**	**100%**	**50.000.000.000**

c) **Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.000.000.000	50.000.000.000
- *Vốn góp đầu năm*	*50.000.000.000*	*50.000.000.000*
- *Vốn góp tăng trong năm*	*50.000.000.000*	-
- *Vốn góp cuối năm*	*100.000.000.000*	*50.000.000.000*

d) **Cổ phiếu**

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	5.000.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*10.000.000*	*5.000.000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	5.000.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*10.000.000*	*5.000.000*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) **Các quỹ công ty**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	4.722.740.999	3.534.309.465
	4.722.740.999	**3.534.309.465**

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại	31/12/2015	01/01/2015
- Đồng đô la Mỹ (USD)	113,92	94,73

19. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	278.453.385.403	205.174.781.179
Doanh thu bán hàng hóa	10.410.709.616	12.403.639.678
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.409.083.276	1.388.403.579
	292.273.178.295	**218.966.824.436**
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.)	**2.457.566.932**	**82.243.688**

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của hoạt động xây lắp	237.477.214.952	172.795.289.441
Giá vốn của hàng hóa đã bán	10.026.963.579	11.307.599.284
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.565.477.902	1.196.207.960
	250.069.656.433	**185.299.096.685**

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	104.162.594	51.951.223
Lãi bán các khoản đầu tư	3.764.036.649	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	350.000.000	-
	4.218.199.243	**51.951.223**

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	10.723.409.654	6.573.837.893
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	246.653.717	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	61.146
Chi phí tài chính khác	66.142.561	-
	11.036.205.932	**6.573.899.039**

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.181.818	174.045.456
	44.181.818	**174.045.456**

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.577.109.479	1.193.003.994
Chi phí nhân công	6.457.694.854	7.378.590.967
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.150.586.946	701.799.945
Thuế, phí, lệ phí	425.941.116	271.835.359
Chi phí dự phòng	115.062.363	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.976.867.090	1.879.373.452
Chi phí khác bằng tiền	2.949.217.419	1.841.200.548
	16.652.479.267	**13.265.804.265**

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	56.272.727	75.795.455
Thu nhập từ bán thiết bị sản xuất	163.636.364	-
Tiền thưởng mua xi măng từ CTCP Xi măng Hạ Long	-	15.089.027
Thu nhập khác	4.694.001	7.150.000
	224.603.092	**98.034.482**

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	38.388.872
Tiền phạt và truy thu thuế	486.967.157	2.530.030.745
Tiền phạt chậm nộp BHXH	32.873.581	64.228.052
Giá trị còn lại của thiết bị sản xuất	269.931.818	-
Chi phí khác	330.102	-
	790.102.658	**2.632.647.669**

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP HIỆN HÀNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.123.354.522	11.171.317.027
Các khoản điều chỉnh tăng	716.840.738	2.594.319.943
- *Chi phí không hợp lệ*	*519.840.738*	*2.594.258.797*
- *Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm*	-	*61.146*
- *Chi phí phát hành tăng vốn*	*197.000.000*	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(350.000.000)	-
- *Cổ tức, lợi nhuận được chia*	*(350.000.000)*	-
Thu nhập tính thuế TNDN	18.490.195.260	13.765.636.970
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%)	**4.067.842.957**	**3.028.440.133**
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	73.257.531	10.006.818
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	2.819.655.670	4.360.104.181
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(2.473.257.531)	(4.578.895.462)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	**4.487.498.627**	**2.819.655.670**

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	14.055.511.565	8.142.876.894
Các khoản điều chỉnh	(1.124.440.925)	-
- *Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế (*)*	*(1.124.440.925)*	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	12.931.070.640	8.142.876.894
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	7.527.473	5.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1.718**	**1.481**

Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của Công ty để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Năm 2015, theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC, số dự tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được loại ra khi tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu. (*) Công ty đang tạm tính dựa trên tỷ lệ phân phối lợi nhuận của Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên 2015 số 01/NQ-SICCO-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2015, tỷ lệ trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi là 8%.

Do trong kỳ Công ty thực hiện phát hành 500.000 cổ phiếu để tạm ứng cổ tức từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cho các Cổ đông hiện hữu theo đó Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 30 và Thông tư 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính khi số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành tăng lên do vốn hóa, phát hành cổ phiếu thưởng, tách cổ phiếu hoặc giảm đi do gộp cổ phiếu.

	Mã số	Phân loại và trình bày lại	Đã trình bày trên báo cáo năm trước
		VND	VND
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.481	1.629

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	83.480.598.542	38.230.736.124
Chi phí nhân công	20.344.329.405	15.651.767.099
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.597.278.977	6.748.917.127
Chi phí dịch vụ mua ngoài	107.380.062.422	108.528.459.898
Chi phí khác bằng tiền	58.973.868.912	44.485.426.351
	279.776.138.258	**213.645.306.599**

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.799.277.018	-	15.824.868.599	-
Phải thu khách hàng, phải thu	117.277.370.525	-	112.197.738.791	-
Đầu tư ngắn hạn	18.536.671.886	-	-	-
	153.613.319.429	-	**128.022.607.390**	-

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND

Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	122.992.273.226	98.880.245.772
Phải trả người bán, phải trả khác	49.736.454.677	37.979.158.960
Chi phí phải trả	3.292.942.583	4.220.819.602
	176.021.670.486	**141.080.224.334**

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.799.277.018	-	-	17.799.277.018
Phải thu khách hàng, phải thu	117.277.370.525	-	-	117.277.370.525
Đầu tư ngắn hạn	18.536.671.886	-	-	18.536.671.886
	153.613.319.429	**-**	**-**	**153.613.319.429**

Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.824.868.599	-	-	15.824.868.599
Phải thu khách hàng, phải thu	112.197.738.791	-	-	112.197.738.791
	128.022.607.390	**-**	**-**	**128.022.607.390**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2015				
Vay và nợ	99.467.812.298	23.524.460.928	-	122.992.273.226
Phải trả người bán, phải trả khác	49.736.454.677	-	-	49.736.454.677
Chi phí phải trả	3.292.942.583	-	-	3.292.942.583
	152.497.209.558	**23.524.460.928**	**-**	**176.021.670.486**
Tại ngày 01/01/2015				
Vay và nợ	86.445.241.996	12.435.003.776	-	98.880.245.772
Phải trả người bán, phải trả khác	37.979.158.960	-	-	37.979.158.960
Chi phí phải trả	4.220.819.602	-	-	4.220.819.602
	128.645.220.558	**12.435.003.776**	**-**	**141.080.224.334**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường;	280.165.522.788	174.348.028.035
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường;	256.053.495.334	142.888.417.189

32. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 05/01/2016, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã cổ phiếu SCI, số lượng cổ phiếu niêm yết lần đầu là 10.000.000 cổ phiếu.

Ngoài sự kiện nêu trên không còn sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là hoạt động xây lắp và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.\

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2015	Năm 2014
		VND	VND
Góp vốn			
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	51.000.000.000	-
Mua hàng			
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	11.344.513.698	135.413.000
Bán hàng			
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	2.457.566.932	82.243.688

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2015	01/01/2015
		VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	6.827.454.670	35.579.443

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.743.956.984	1.268.807.915

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay

(Đã ký)	*(Đã ký)*	*(Đã ký)*
Lê Thị Thu Hiền	**Đào Gia Thắng**	**Hoàng Công Tuấn**
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0500574676 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9
Q. NAM TỪ LIÊM - T.P HÀ NỘI

Hoàng Công Tuấn